

# HÒA BÌNH KHÓ NHỌC

Nguyễn Ngọc

Giữa năm 1978, từ chiến trường miền Nam ra và đang ở 4 Lý Nam Đế<sup>1</sup>, tôi được quân đội gửi đi học trường Nguyễn Ái Quốc. Học chưa xong, lại có lệnh gọi về : Ban bí thư Trung ương Đảng vừa quyết định thành lập Đảng đoàn Hội nhà văn Việt Nam. Đảng đoàn gồm chín người : Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, Chế Lan Viên, Hoàng Trung Thông, Nông Quốc Chấn, Giang Nam, Nguyễn Khải, Anh Đức và tôi. Tôi được chỉ định làm bí thư. Để tiện công việc, một Hội nghị Ban chấp hành Hội Nhà văn bổ sung tôi làm phó tổng thư ký Hội (hội nghị là hình thức thôi, ai cũng biết). Tổng thư ký : Nguyễn Đình Thi. Một phó tổng thư ký nữa : Tô Hoài. Theo chỗ tôi biết, tất cả là do ông Tố Hữu xếp đặt. Ý định khá rõ : tạo một ê-kíp lãnh đạo mới, trẻ, đồng thời bảo đảm “ có sự kế tục ” – đường lối cán bộ của ta trước nay vẫn thế.

Tôi còn giữ được một chiếc ảnh chụp ở ghé đá trước sân Hội, 65 Nguyễn Du, dịp Đảng đoàn họp phiên đầu tiên. Trong ảnh vắng Tô Hoài và Hoàng Trung Thông. Tô Hoài linh đi đâu đó, tính anh vẫn thế. Còn Hoàng Trung Thông thì chắc chắn là đi uống rượu.



*Đảng đoàn Hội Nhà văn Việt Nam năm 1979*

Hàng đứng : *Nông Quốc Chấn, Trần Độ (Trưởng ban Văn Hóa Văn nghệ Trung ương), Nguyễn Khải, Hoàng Trung Thông (phái viên Ban Văn hóa Văn nghệ Trung ương), Vương Linh (Chánh văn phòng Hội Nhà văn)*

Hàng ngồi : *Giang Nam, Chế Lan Viên, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Ngọc, Anh Đức*

Nhìn ảnh tôi kinh ngạc: ngày ấy, 1978-79, tôi vẫn còn trẻ thế. Sau mười mấy năm chiến trường miền Nam trông tôi vẫn còn rất thư sinh, nho nhã, trán chưa một nếp nhăn, tóc đen tuyền, hơi gầy, và có vẻ vô tư... Ra hòa bình, và cuộc vật lộn trong cái hòa bình đó lại làm mình già đi nhanh gấp mấy lần chiến tranh. Cũng phải thôi. Gập ghềnh, ác liệt hơn nhiều...

... Mấy năm sau 1975, tôi vẫn chưa viết được gì. Văn nghệ Quân đội tung một số anh em đi các chiến trường cũ, viết về cuộc đại thắng 75. Nguyễn Khải viết *Tháng ba Tây Nguyên*, Xuân Thiều *Mùa mai đỏ*, Hữu Mai, Hồ Phương, Nam Hà, Nguyễn Trọng Oánh... đều có sách. Riêng tôi, đi rồi về tay không. *Đất Quảng* tập II, tập III viết rồi lại xé. Rồi lại viết, lại xé. Lại viết, lại xé.

Con gái tôi bắt đầu học chuyên Toán, bảo :

– Bố cứ viết thật nhiều đi, để con có giấy làm nháp toán.

Mẹ nó mắng :

– Hồn !

Nhưng cô ấy mừng : con bé hóm, tức là thông minh. Cô vẫn lo nó bị ảnh hưởng chất độc hóa học của bố mẹ, trí óc phát triển không bình thường.

Hồi 1971-72 ở chiến trường tôi không viết tiếp được *Đất Quảng* vì bị Giã của tôi đâm một phát đúng tim<sup>21</sup>, choáng váng. Bây giờ không phải thế nữa. Không thể đổ lỗi cho nhân vật nữa. Vết thương cũ đã nguội ngoai.

Hàng nghìn trang bản thảo bị xé vì cầm bút lên, lại... *Đường chúng ta đi*<sup>3</sup> ! Quán tính rất mạnh. Tôi muốn cưỡng lại. Cưỡng không nổi. Muốn viết khác, biết phải viết khác. Nhưng khác thế nào ? Chưa biết.

Những ngày ấy, chắc chẳng ai ngờ, tôi thành một kẻ thất nghiệp hoàn toàn. Ngày ngày lao vào làm đủ thứ công việc eo sèo của một cặp vợ chồng son ngõ ngác và vụng về. Giặt giũ quần áo cho vợ cho con, bốn giờ sáng đã dậy, hối hả chạy ra cửa hàng Đặng Dung chen lấn với mấy bà nội trợ và một lô bà phục vụ của các ông to giành giặt xếp cho được một hòn gạch để chen lấy chỗ mua cho vợ được một cái chân giò, một lạng thịt nạc. Lại chen chúc đi đong gạo, mua dầu, mua cá biển đây xương là xương và ướp đá lạnh ngắt từ Hải Phòng chở lên. Chen chúc, cả chửi bới nữa, van xin, lạy lục nữa cũng có để xin cho được một cái phiếu sữa, một phiếu đậu phụ... Rồi nấu nướng. Rồi bế con đi nhà trẻ. Rồi dẫn con đi mẫu giáo. Rồi lo cho con vào cấp I, vào chuyên toán... Bận rộn, tíu tít, có mà bận rộn, mà tíu tít, tự đánh lừa mình và đánh lừa bạn bè... để khỏi phải ngồi vào bàn, đối mặt với trang giấy trắng, khỏi phải viết. Bởi vì biết viết thế nào ? Bí rì. Chữ viết ra cứ nằm bẹp trên mặt giấy, chết khô, chán ngán !

Thật ra, cố mà bận rộn vẫn không hết được thì giờ. Vẫn cứ rảnh rỗi một cách xấu hổ, đau đớn. Tôi lêu lổng khắp các phố, nhiều đêm lang thang ngắm các cô gái Hà Nội mới lớn lên, đẹp không chịu được mà nói tục cũng không chịu được. Lêu lổng như một thằng ma-cà-bông vô nghề nghiệp, vô tích sự. Nửa đêm mới về. Vợ tôi không bao giờ nghi chồng. Cô chỉ lo :

– Sao anh về khuya thế ?  
– Anh đi có việc.

- Thôi anh nằm xuống đây, nhẹ nhẹ cho con ngủ. Anh sờ trán xem, hình như nó hơi ấm.

Tôi không dám nói với vợ cái điều ghê gớm này : tôi là một thằng bất tài.

Anh có biết cái cảm giác ấy không ? Anh cầm bút mấy chục năm trời, anh có tác phẩm, có danh tiếng, sách được đưa cả vào chương trình nhà trường, trung học, đại học, sinh viên làm cả luận văn về anh, các thầy ra rả giảng dạy về anh..., vậy rồi đến một lúc, tự anh, anh mới nhận ra : có lẽ nhầm đường, nhầm nghề mất rồi. Tất cả những cái đã qua chỉ là tình cờ, ngẫu nhiên, chớ ngáy phải ruồi, chứ thật sự anh chẳng có tài cán gì ráo. Anh không thể, không phải là nhà văn.

Nhà văn sao chẳng viết được gì, chẳng biết viết gì cả.

Nhiều bạn bè rất thân bảo tôi :

- Mày cầu toàn bỏ mẹ. Cứ viết bừa đi. Có cái hay cái dở là chuyện thường. Viết đi. Vốn sống đầy ắp ra đấy. Cầu toàn !

Lời trách nghe rất sang trọng. Tôi im lặng, một cách dối trá, để cho người ta trách. Để không viết, chưa viết chỉ vì quá cầu toàn, sang quá, oai quá rồi còn gì !

Thật ra, lần này thì tôi không tự dối mình, không những tôi không biết viết thế nào, đơn giản hơn nhiều : tôi không biết viết gì cả. Chẳng có gì trong mình để viết ra cả.

Sau này tôi có đọc ở đâu đó của nhà phê bình Pháp rất tinh tế Maurice Blanchot : “ *Dấu hiệu chứng tỏ tầm quan trọng của một nhà văn, là ở chỗ anh ta chẳng có gì để nói cả* ”<sup>1</sup>. Tất nhiên, tôi là loại nhà văn chẳng có tầm quan trọng gì. Nhưng sao cái ông Blanchot tận bên Tây ấy giỏi thế !

Tầm quan trọng của bước chuyển của một nền văn học là ở chỗ nó đột ngột cảm thấy “ *chẳng có gì để nói cả* ”. Một khoảng chân không tuyệt đối.

Cái cũ đã nói rồi. Cái mới chưa có.

Tôi cho rằng văn học ta khoảng từ 75 đến gần 80 là như vậy (thời gian cụ thể nói ở đây chẳng có gì chắc chắn lắm đâu).

Không làm gì có chân không tuyệt đối. Vẫn có vật chất và vận động trong ấy. Cái cũ “ *đã nói rồi* ” vẫn còn lại nhãi được nói tiếp, nhạt nhẽo, vô vị, theo quán tính. Và cái mới đã manh nha đâu đó, mơ hồ, mò tìm, cảm giác, thiếu số, rất thiếu số.

Có lẽ Nguyễn Minh Châu là một trong ít người cảm giác ra sớm hơn cả. Nhưng anh không nói, cả với tôi, dẫu chắc anh có biết tôi cũng đang đau khổ đi tìm. Anh quờ quạng viết. Hãy nhớ lại một ít truyện ngắn Nguyễn Minh Châu ngày ấy. Đọc rất khó hiểu, chẳng biết anh định nói cái gì. Có lẽ chính anh cũng không hiểu. Anh mới cảm giác thôi.

Tôi thua anh xa. Tôi cảm giác kém hơn, mơ hồ hơn. Và tôi im lặng.

... Tôi bắt đầu làm bí thư Đảng đoàn Hội Nhà văn trong tình trạng như vậy, chắc ông Tố Hữu khi sắp xếp tôi không hề ngờ đã giao trọng trách cho một kẻ dao động đến thế.

Duy có một điều – điều này chính cuộc chiến đấu lâu dài, chính Đảng đã rèn luyện cho tôi – : tôi biết phải thay đổi, quyết phải thay đổi. Không phải chỉ tôi. Cả văn học ta.

Một hôm tôi đến làm việc với anh Trần Độ, bây giờ là phó ban tuyên huấn, trực tiếp phụ trách văn hóa văn nghệ. Tôi có biết anh Trần Độ trước đây, đã lâu lắm, một lần tôi đi cùng anh Văn Phác xuống Quân khu Hữu ngạn đóng ở Nam Định, anh Độ đang làm chính ủy quân khu ở đấy, đầu khoảng 1960, 61. Biết, chứ chưa hề quen. Chống Mỹ, anh Độ ở Nam Bộ, tôi ở Khu 5, không hề gặp nhau.

Tôi đến báo cáo với anh ý định công việc của Đảng đoàn. Cũng không còn nhớ hôm ấy tôi đã trình bày những gì. Đại thể là khá dông dài, suốt cả một buổi chiều. Anh Độ kiên nhẫn nghe. Cuối cùng tôi nói : cố gắng làm thế nào, giỏi thì khoảng mười năm, dở thì mười lăm hai mươi năm, đưa văn học ta lên một bình diện khác, tạo nên được một số đỉnh cao mới.

Anh Độ rót nước cho tôi, rồi nói, rất thông thả :

– Kế hoạch của cậu, mình tán thành cả. Nhưng mà, cậu ạ, mình nghĩ trong nghệ thuật, muốn có đỉnh cao mới thì phải có trường phái mới.

Tôi kinh ngạc.

Và từ đó, tôi thân anh.

Sao con người ấy, vị tướng thú thực trước tôi nghĩ là giản dị, đáng yêu, nhưng chắc cũng võ biên thôi, không phải người sáng tạo, không ở trong nghề, vậy mà anh lại cảm nhận được điều đó ?

Về sau, quen thân, làm việc, chơi bời với nhau nhiều nữa, tôi chưa lần nào hỏi lại anh hỏi đó anh nói trường phái mới là thế nào. Tôi chắc anh cũng cảm giác thôi. Và anh diễn đạt như vậy.

Không phải ngẫu nhiên mà sau này Nguyễn Minh Châu cũng đến với anh Độ.

Nhiều người ác mồm hay bảo anh Độ và một số anh em chúng tôi có những âm mưu ghê gớm lắm. Có âm mưu thật đấy: âm mưu thực hiện cái cảm giác ấy.

\*

Tôi về làm việc ở Hội nhà văn chưa được vài tháng thì nổ ra chiến tranh biên giới phía bắc. Anh Nguyễn Đình Thi bảo :

– Phải đi sơ tán, lên Đà Lạt, bảo vệ lực lượng.

Tôi ngạc nhiên :

– Ô, sao lại sơ tán ? Phải lên biên giới chứ.

Tôi đi Cao Bằng, cùng anh Hồng Nghi.

Rồi đi Campuchia, cùng Nguyễn Khải và anh Nguyễn Văn Bồng.

Đi được là nhờ có Nguyễn Chí Trung. Sau 1975, Nguyễn Chí Trung tập hợp được một số anh em thành cái gọi là Trại sáng tác ở Đà Nẵng, nhà số 10 đường Lý Tự Trọng. Thu Bồn, Thái Bá Lợi, Nguyễn Trí Huân, Ngô Thế Oanh, Nguyễn Bảo, Bùi Minh Quốc, Thanh Quế, Trần Vũ Mai... Về sau, Trại giải thể, một số ở lại Quảng Nam, một số ra Hà Nội. Nguyễn Chí Trung về Văn nghệ Quân đội số 4 Lý Nam Đế. Tính Trung không ở nổi 4 Lý Nam Đế, tôi biết. Anh quá hăng hái, việc gì cũng xông vào, hết mình, can thiệp vào mọi việc, mọi chỗ, hết sức vô tư, chẳng có gì cho mình hết, một cái quần đùi, theo đúng nghĩa đen, cho riêng mình cũng không. Mà 4 Lý Nam Đế bây giờ đã khác, cuộc sống hòa bình đã khác. Mỗi người đã có cái riêng. Trung vừa hiểu vừa không hiểu... Sau một thời gian lục đục nội bộ ở Lý Nam Đế, Trung bỏ đi. Anh là người của chiến trường. Lại ra chiến trường. Đánh giặc cực giỏi. Tổ chức chiến đấu cực kỳ điều luyện, thấu đáo, tỉ mỉ, tháo vát, thông minh, và dũng cảm ít ai bằng. Còn tổ chức cuộc sống thì cực vụng. Bị tất cả mọi người lừa một cách trắng trợn, dễ dàng, kể cả người thân, họ hàng.

Một tính cách đặc biệt của Trung : nhất thiết phải có mặt ở những thời điểm, địa điểm của lịch sử. Anh mãi mãi là người của “ *Đường chúng ta đi* ”. Sáng 30 tháng 4-1975, trong khi chúng tôi còn lẽo đẽo hỏng xe ở Phan Rang, Phan Thiết, Trung đã có mặt trên cầu Cỏ May Vũng Tàu trong đội hình Sư đoàn 3 ; và ngay chiều đó lại có mặt ở Dinh Độc Lập Sài Gòn. Ngày 7 tháng 1-1979, Trung ngồi trên chiếc xe tăng đầu tiên đánh chiếm Nông Pênh.

Trung quen, hiểu và có uy tín lớn trong tất cả các đơn vị quân ta ở Campuchia, kể cả các phi đoàn không quân, từ cấp tư lệnh tiền phương bộ tổng, cấp quân đoàn, cho đến đại đội, trung đội, tiểu đội. Anh em đùa :

– Máy bay quân sự đang bay, cần đi nhờ, ông Trung vẫy một cái, nó dừng lại ngay.

Trung tổ chức cho chúng tôi đi Campuchia bằng máy bay quân sự, từ Tân Sơn Nhất lên Nông Pênh, Nông Pênh về Tân Sơn Nhất, rồi lại Tân Sơn Nhất lên Xiêm Riệp, từ Xiêm Riệp lại trở về Nông Pênh.

Đối với tôi, đó là chuyến đi quyết định.

Tôi đến Xiêm Riệp, gặp anh Thuận, anh em quen gọi là Thuận Nét, để phân biệt với Thuận Lạc, anh này hồi ở trên núi thời chiến tranh, sáng ra đi vệ sinh sau nhà, chẳng biết làm thế nào đi lạc luôn trong rừng suốt một tuần. Thuận Nét là người quen cũ thời chống Mỹ, bây giờ làm tư lệnh Mặt trận Xiêm Riệp, cỡ tương đương tư lệnh quân đoàn. Đến Xiêm Riệp, đương nhiên phải đi thăm Angkor. Tàn quân Pôn Pốt vẫn còn bắn tỉa. Tư lệnh Thuận cho một đại đội có cả xe tăng đi trước dọn đường và bố trí bảo vệ chúng tôi đi xem Angkor.

Tôi gặp may : người hướng dẫn tôi hôm đó là Vik Keo.

Phải nói rõ điều này : người Pháp có công lớn với Angkor. Họ đã phát hiện ra Angkor, đã công phu bền bỉ nghiên cứu, gìn giữ, tu bổ công trình nghệ thuật kỳ vĩ này cho Campuchia, cho nhân loại. Họ có những chuyên gia tuyệt vời về Angkor và suốt hơn trăm năm họ đào tạo cả một đội ngũ những người chuyên bảo tồn Angkor (conservateur d'Angkor) hết sức thông thạo, có hiểu biết chuyên môn và nghệ thuật cao, say mê, suốt đời sống và chết vì Angkor. Cho đến trước 1975 ở Campuchia còn được 50 nhà bảo tồn Angkor quý giá như vậy. Bọn Pôn Pốt tàn sát hết. Còn sống sót duy nhất một người : Vik Keo.

Còn ta, ta có mỗi cái đàn Nam Giao, đã bị một “ nhà văn hoá ” phá mất !

Angkor là cả một thế giới, toàn bằng đá, hoàn chỉnh, tròn vẹn, mệnh mông, phong phú và hài hòa, tương đương với cái thế giới ta đang sống đây, có lẽ còn hơn thế nữa. Và Vik Keo, như một vị đạo sĩ giàu phép thần thông, dẫn tôi đi vào cái thế giới vừa khép kín vừa không cùng ấy. Anh thuộc lòng từng phiến đá, từng mẫu rêu, từng nét cong và từng vành môi mỗi pho tượng. Anh thì thầm kể cho tôi, dạy cho tôi tỏ, chi tiết mà không vụn vặt, bao quát mà lại tỉ mỉ về cái thế giới Angkor của anh, tôi như một chàng Lưu Nguyễn may mắn được một vị thần linh cầm tay dắt đi và giảng giải thâm trầm về buổi hình thành, sự tồn tại và sự vĩnh cửu của vũ trụ. Tôi được chỉ cho biết trời đất đã được tạo lập nên như thế nào, buổi khai thiên lập địa đã từ hỗn mang được sắp xếp lại ra sao, con người từ đâu đến, để làm gì, và rồi sẽ đi đâu. Vik Keo nói và đá Angkor nói. Tôi như một kẻ tin đồ, vốn là một tên vô đạo bỗng một phút đốn ngộ, im lặng lắng nghe, không dám nói một lời, hỏi một câu. Bởi vì, đi trong Angkor, anh nghe không phải lời nói của con người, mà là sấm truyền của đá. Tiếng nói của tạo hóa...

Chúng tôi lang thang từ mờ sáng đến sẩm tối, trong thế giới của đá, Angkor Thom, Angkor Wat, Bayon, Sân Voi... cho đến tận đây “ hành lang ú tim ” (galerie de cache-cache) ngoằn ngoèo sâu lút đầu người, hẹp đến phải lách nghiêng người mới lọt qua được vậy mà hai vách vẫn đầy tượng là tượng, tuyệt đẹp, chẳng biết ai tạc, tạc để làm gì...

Mãi đến lúc tưởng đã kết thúc cuộc hành trình kỳ diệu, Vik Keo bảo tôi, giọng rất nhỏ :

– Còn một kỳ diệu này nữa, của riêng tôi, hôm nay tôi tặng anh.

Anh nắm tay tôi, dẫn lên một đài đá cao, trước mặt là một tháp sừng sững :

– Anh xem kia !

Tôi ngừng lên. Trên đỉnh tháp, một nàng Apsara đang múa. Chỉ có Vik Keo mới biết được điều này, và anh dành cho tôi hạnh phúc ấy : bây giờ đã hơn năm giờ chiều, tất cả rừng đá Angkor mệnh mông đã chìm trong màn đêm tím sẫm. Chỉ còn một ngọn nắng cuối cùng, có lẽ chỉ lớn bằng hai bàn tay, óng muột, và ngọn nắng ấy chiếu đúng lên đôi má nàng Apsara trên đỉnh tháp, chỉ chiếu vào đôi má ấy thôi, khiến nàng bỗng đẹp đến mê hồn. Đôi má ửng hồng của một người con gái vừa dậy thì cách đây hàng vạn hay hàng triệu năm.

Đâu chỉ một phút.

– Thôi ta chào nàng rồi về đi anh, Vik Keo nói.

Ngọn nắng cuối cùng cũng vừa tắt. Cô gái dậy thì “ của Vik Keo ”, mà hôm nay anh cho phép tôi được hạnh phúc ngắm đúng một phút, đã lại chìm mất trong bóng đêm vĩnh cửu.

Cảm ơn, cảm ơn vô cùng Vik Keo. Từ ấy đến nay đã mấy chục năm, mấy chục năm loạn lạc trên cái đất nước đau khổ ấy. Vik Keo nay ở đâu ? Còn không ? Người bảo tồn Angkor cuối cùng...

Tôi hỏi Nguyễn Chí Trung. Anh bảo để anh sẽ cố tìm xem.

Đêm ngủ ở chỗ anh Thuận Nét Xiêm Riệp tôi cứ nghĩ mãi, có lẽ không phải con người đã làm nên Angkor. Nó quả quá sức con người... Nhưng vậy thì ai ?... Vẫn chỉ có thể là con người thôi.

Con người kỳ lạ đến thế đấy. Hình như các học thuyết của chúng ta đã ra sức giải thích con người một cách trần tục quá chăng ? Hãy đến Angkor một lần. Có thể anh sẽ bớt “ duy vật ” đi một ít.

Cứ đến Angkor, cũng có thể anh sẽ nghĩ : hình như dân tộc này chẳng cần đến văn học nữa. Họ viết tiểu thuyết bằng đá. Và đã viết xong rồi !

Sao Angkor lại rơi vào tôi đúng lúc tôi về làm Đảng đoàn Hội Nhà văn ? Nó có khiến tôi bắt đầu hiểu nghệ thuật khác trước đi chăng ? Có phải trước nay chúng ta, cả chính tôi, đã hiểu về nó quá thực dụng ? Nó là gì trong đời sống con người ?... Thôi, ít ra Angkor cũng buộc tôi tự đặt cho mình những câu hỏi vớ vẩn như vậy...

Những ngày Xiêm Riệp rất lạ. Hôm vừa bước xuống sân bay, anh Nguyễn Văn Bông khóc òa.

Nguyên là chúng tôi đến Xiêm Riệp bằng máy bay quân sự Liên Xô. Có một phi đội như vậy ở Tân Sơn Nhất. Hàng ngày bay Tân Sơn Nhất – Nông Pênh, Nông Pênh – Tân Sơn Nhất. Tân Sơn Nhất – Xiêm Riệp, Xiêm Riệp – Tân Sơn Nhất. Chở đồ tiếp tế sang cho bộ đội. Và chở thương binh về.

Chúng tôi vừa đổ xuống sân bay Xiêm Riệp thì đã thấy ba, bốn chục thương binh ngồi chờ ở đây để được đưa về Sài Gòn. Tất cả đều trẻ măng, má còn lông tơ. Thanh niên Sài Gòn, Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ Tĩnh... Và hầu như tất cả đều... cụt chân. Mìn Trung Quốc. Sân bay chẳng có nhà ga. Họ ngồi bệt ra đường băng. Những đôi chân chỉ còn một nửa, đến đầu gối, quần băng trắng.

Tôi quay mặt đi. Cố nén để khỏi kêu thét lên : Lại một cuộc chiến tranh nữa ư ? Đến bao giờ ?

Mới sáng nay, mới một tiếng đồng hồ trước đây, là Sài Gòn. Là bia rượu. Là xô bồ. Là các thứ đấu tranh nội bộ, chen chúc, giành giật.

Bỗng tất cả đều trở thành vô nghĩa. Tôi biết tôi yếu đuối và sai rồi. Cái bên kia, một giờ trước, là thật. Cái này cũng là thật. Đừng có lộn xộn, mơ hồ.

Nhưng văn học làm gì ?

Tại sao cứ thánh thót mãi một bản hùng ca quán tính ?

Ở Xiêm Riệp, tôi làm quen với một đại đội trưởng trinh sát nổi tiếng tên là Trung, người Vĩnh Phú. Một đêm anh dẫn chúng tôi đi chơi trên Biên Hồ. Trong đời, chẳng dễ gì có một đêm kỳ thú như thế nữa. Trung quen khắp mặt dân Campuchia vùng này. Là ân nhân của rất nhiều gia đình người Khome ở đây : đầu 1979, đại đội trinh sát của anh đã cứu hàng trăm người khỏi tay Pôn Pốt. Ở đây anh có vô số mẹ nuôi, chị nuôi, em nuôi. Anh về đây như về làng, về nhà. Hôm ấy tôi thấy rõ ràng có một cô gái Khome yêu Trung đến mê mết, bộc lộ, trắng trợn.

Tôi bảo :

– Đã sao, Trung !

Trung nói :

– Nhưng em đã có.

– Vĩnh Phú à ?

– Không, Sài Gòn. Éo le lắm, để rồi em sẽ kể anh nghe...

Chúng tôi thả thuyền rong chơi Biển Hồ suốt đêm. Nghe dân Campuchia hát. Ăn cháo cá và uống rượu. Cá Biển Hồ, cứ vực tay xuống nước, túm lên ngay được một con, to tướng, béo ngậy.

Trung kể cho tôi nghe trận anh suýt chết trên biên giới Thái Lan. Anh bị thương, và bị lạc, một mình, sang cả bên đất Thái. Chưa bao giờ tôi nghe nói về cái khát ghê gớm như vậy. Dãy Đàng Rek, biên giới Miên-Thái, sáu tháng mưa tầm tã, sáu tháng khô, tuyệt không một giọt nước. Rừng toàn gai. Và mìn. Mìn dày hơn cả gai. Trung bị thương, lạc, và khát. Mười ngày. Ngày thứ ba, liếm hết giọt nước cuối cùng trong bình-đồng. Ngày thứ năm, nuốt hết giọt nước đá cuối cùng tự mình cố sức rặn ra. Khát đến điên dại. Khát đến cháy thiêu tận từng tế bào. Xé hết quần áo. Khát đến hôn mê. Trung kể rằng trong một cơn mê, anh thấy anh thoả thuê uống cạn sạch cả cái Biển Hồ Tonlê-sáp Campuchia. Một cơn mê khác, dữ tợn hơn, anh thấy anh bắt được một tên lính Pôn Pốt. Anh rút dao găm, đâm ngay vào cổ họng nó và... ừng ực uống cho kỳ hết máu.

Lần ấy dân Khome quanh Biển Hồ nhà nào cũng đã lập bàn thờ cúng anh bộ đội Trung. Nhưng rồi Trung trở về : đồng đội tìm được anh trên đất Thái, đúng lúc anh đang hấp hối...

Người ta đã định phong tặng Anh hùng cho Trung. Nhưng Trung có một cái “ phốt ” nặng. Việc này, hai năm sau tôi mới biết.

Ngày giải phóng Sài Gòn, Trung đi làm công tác quân quản một phường quận 10, gặp một cô gái gốc Huế, đầu quăng 16 hay 17 tuổi. Anh yêu. Cô gái thật đẹp. Về sau có lần họ dẫn nhau ra Hà Nội, có ghé lại thăm nhà tôi. Vợ tôi bảo :

– Em mà là con trai, em cũng yêu mất !

Nhưng cô gái có một người anh là “ sĩ quan nguy ác ôn ” đang đi cải tạo.

Đơn vị ngăn cản, tất nhiên. Trung không nghe. 1975-1979, rồi 80, 81. Bao nhiêu lần kiểm điểm, Trung một mực không chịu thua.

Cuối cùng anh vứt tất cả, danh hiệu đảng viên, chức vụ đại đội trưởng trình sát nổi tiếng, cả cái Anh hùng Quân đội suýt được phong..., tất cả, anh về Sài Gòn và cưới cô gái Huế của anh.

Anh bị đuổi khỏi chiến trường.

Năm ngoái vào Sài Gòn tôi có ghé thăm Trung. Anh chị ở Quận 10, trong một hẻm rất khó tìm. Họ đã có hai cháu và sống hạnh phúc. Bây giờ Trung làm một chân bảo vệ ở công viên Tao Đàn. Chị ở nhà, nội trợ. Chị bảo tôi :



– Đêm nào anh ấy về khuya quá, em lo cồn cào, chắc cũng giống như lần anh ấy sắp chết khát trên biên giới Thái...

Cuộc sống, con người đây. Sao vẫn học ta xoàng thế.

Định từ Xiêm Riệp quay xuống Nông Pênh, nhưng máy bay không có chuyến, phải về Tân Sơn Nhất rồi mới quay lên.

Nông Pênh khiến tôi bàng hoàng.

Pôn Pốt là một cái gì đó rất kỳ lạ, có lẽ chỉ có một trong suốt lịch sử.

Có người đã nói đến một thứ vũ khí sinh học gì gì đó, một cuộc chiến tranh tương tượng, chỉ giết sạch người, còn thì tất cả đều nguyên vẹn, không chút sứt mẻ.

Nông Pênh sau Pôn Pốt là một thành phố như vậy, còn lại nguyên vẹn, không sứt mẻ. Tôi có đi thăm Hoàng Cung, Chùa Vàng, đài Độc Lập... Đến những pho tượng giát toàn vàng vẫn còn nguyên.

Chỉ có con người đã biến mất.

Nguyễn Chí Trung bảo tôi :

– Ông có để ý không, tất cả các nhà đều không có số.

Trung tinh thật. Nhà cửa còn nguyên, sang trọng, lịch sự. Chỉ có các số nhà đã bị xóa hết. Một dấu hiệu rất nhỏ của thời tàn phá Pôn Pốt : trên đời này không còn bất cứ cái gì có tên, có một số hiệu để gọi cũng không.

Dấu vết tàn phá rõ nhất có thể thấy được có lẽ chỉ có cái nhà Ngân hàng : tiền *riêng*, hàng đồng, vô số, mới tinh, rất đẹp, màu xanh và dài, tựa tựa đồng đô-la, vút đây đường, từng xấp dày. Tôi có nhặt một xấp, mang về cho con gái tôi chơi, bây giờ vẫn còn : không có người, không có bất cứ sự quan hệ, giao lưu, đối thoại người-người nào nữa, nên đồng tiền vút đi là phải.

Tất cả còn nguyên. Chỉ có một cái biến mất : con người.

Nó biến đi đâu ?

Hàng triệu người bị giết, ta biết rồi. Hàng triệu người đã bị giết theo cách thức đơn giản nhất, thô sơ, nguyên thủy nhất : một nhát cuốc vào đầu. Tôi đến nhà tù Tuol Sleng, xưa là trường học. Tuol Sleng nay thành bảo tàng tội ác Pôn Pốt. Có một tấm bản đồ nước Campuchia lớn, chiếm cả một bức tường, kết toàn bằng đầu lâu. Hôm tôi đến, mấy anh thợ bảo tàng đang làm cái công việc kỳ dị ấy : kết tấm bản đồ toàn bằng đầu lâu. Mỗi chiếc đầu lâu đều có một vết cuốc bổ toác. Không ở đâu trên thế gian này còn có một tấm bản đồ đất nước như vậy.

... Nhưng có lẽ đây vẫn không phải là cái chính. Hàng triệu người bị giết. Nhưng cũng còn hàng triệu người không bị giết. Vậy ai bị giết ?

Những ngày ở Nông Pênh, ở Campuchia, tôi hiểu ra điều này : Pôn Pốt chỉ giết những người muốn còn là một đơn vị. Một đơn vị người. Có tên, có tuổi, có quá khứ, có hiện tại, có tương lai, có số phận riêng, có cuộc đời riêng, có cái khác riêng, dấu hiệu riêng dấu nhỏ nhất của riêng mình. Nó không công nhận đơn vị, không công nhận cái riêng.

Không có đơn vị.

Chỉ có *bầy*.

Không có sự hữu danh.

Chỉ có *bầy*, tập thể vô danh.

Bầy vô danh và hoàn toàn trong sạch. Gia đình, vợ-chồng, cha-mẹ, anh-em, bạn bè, xóm giềng, tình yêu, tình bạn... đều phải xóa hết, nghiền nát, hủy diệt hết. Dấu hiệu của cái riêng mà !

Đó là chủ nghĩa tập thể tuyệt đối. Cái đồng nhất tuyệt đối. Sự trong sạch nguyên khối, tuyệt đối.

Lịch sử, các nền văn minh nối tiếp làm nên lịch sử đã làm cho *bầy* đàn hồng hoang vô danh, tiến hóa, biến dần thành những con người, từng đơn vị con người hữu danh. Lịch sử phải chấm dứt. Phải trả lại sự tinh nguyên ban đầu, sự trong sạch đồng khối nguyên vẹn đầu tiên và vĩnh cửu.

Đó là chủ nghĩa Pôn Pốt. Nổi kinh hoàng thẳng thốt lớn nhất của nhân loại.

Nó tìm ở đâu ra cái lý tưởng kinh hoàng ấy ?

Ở Nông Pênh tôi gặp một cặp vợ chồng trí thức còn sống sót một cách kỳ diệu, anh là kiến trúc sư, từng học ở Nhật, ở Nga, chị là kiến trúc sư nội thất. Họ còn sống sót vì họ đã khéo léo tự vô danh hóa mình, tự diệt tính đơn vị của mình trước con mắt bọn Angka<sup>5</sup>. Anh chị nói cho tôi biết rằng cả Pôn Pốt lẫn Iêng Sari, và mấy tên lãnh tụ Khome đỏ cao cấp nhất khác nữa đều từng học ở Pháp về. Chính ở phương Tây chúng học được, chúng nung nấu lòng căm thù đối với văn minh, mọi nền văn minh đã dẫn đến nền văn minh tư sản, bởi vì chính văn minh, đặc biệt văn minh tư sản, đã đưa đến sự phát hiện ra cá nhân sáng chói trong cộng đồng, dẫn đến sự hình thành cá nhân. Cá nhân là sa đọa. Chỉ có *bầy* đàn mới trong sạch...

Mấy năm sau, trong một lần cãi nhau với Chế Lan Viên, anh ấy nói :

– Loài người phát triển từ dị biệt đến đồng nhất, càng phát triển cao càng đồng nhất cao.

Tôi, từ Campuchia trở về, tôi cãi :

– Không đâu, ngược lại, loài người phát triển từ đồng nhất đến dị biệt. Đồng nhất cao trong sự dị biệt cao. Trong sự long lanh của từng cá thể. Đi ngược lại thì sẽ dẫn đến Pôn Pốt ! Nếu là xã hội chủ nghĩa, thì đó mới là chủ nghĩa xã hội. Còn có một thứ “ xã hội chủ nghĩa ” khác : chủ nghĩa xã hội Mao, và đỉnh cao của nó, chủ nghĩa xã hội Pôn Pốt. Đừng tưởng Pôn Pốt không thành tâm làm chủ nghĩa xã hội. Nó có lý tưởng lớn đấy: chủ nghĩa xã hội *bầy* đàn.

Chuyến Campuchia ấy đối với tôi là quyết định. Nó định hướng cho mọi suy nghĩ và công việc của tôi.

\*

Công việc Hội nhà văn, ai từng ở đấy đều biết, muốn làm thì làm bao nhiêu cũng không hết ; không làm cũng chẳng sao. Người viết vẫn viết. Người viết hay cứ viết hay. Người viết tồi cứ viết tồi.

Đạo ấy tôi cố gắng làm hai việc : hết sức góp phần lập trường Nguyễn Du. Và ra tờ *Văn học nước ngoài*.

Trường Nguyễn Du là để cố gắng dần dần tạo một thể hệ cầm bút mới, đỡ thất học như chúng tôi.

Tờ *Văn học nước ngoài* là cố gắng để cho kinh nghiệm văn học thế giới thấm thấu dần vào ta. Xin mãi, không ra chính thức được, chúng tôi làm nội san vậy, in ronéo, in xê-len, rồi in typo. Có lần Bộ văn hóa muốn bêu diều những anh bất hợp pháp, tổ chức triển lãm những tờ báo in lậu, *Văn học nước ngoài* cũng vinh dự có mặt trong cuộc đó. Anh Đào Xuân Quý giúp tôi trong công việc nội san này, bài vở, dịch thuật, *mi* báo, in ấn, gần như một mình anh ấy chống chọi. Văn phòng Hội kiêng riêng vì kinh phí không có, tiền báo không thu được. Tôi đánh bài lờ.

Công việc linh tinh khác cũng nhiều : đối nội, đối ngoại, chế độ, chính sách, họp hành, trợ cấp, già, trẻ... Anh Tô Hoài cùng làm việc với tôi rất ăn ý. Đã làm, anh làm đến nơi đến chốn, và gọn, nhanh. Nguyễn Khải đêm nào cũng cùng tôi chụm đầu bàn bạc, trên căn phòng của anh ở 4 Lý Nam Đế. Anh em tâm đầu ý hợp.

Công việc trước mắt là chuẩn bị Đại hội nhà văn lần thứ III. Đại hội II họp năm 1962, lúc ấy tôi đã vào Nam. Gần 15 năm rồi còn gì. Và riêng tôi, tôi nghĩ đã đến lúc có chuyện để mà họp.

Để chuẩn bị cho một Đại hội có chất lượng, thật sự có chuyện mà nói, chúng tôi chủ trương triệu tập hội nghị đảng viên, thử cùng nhau bàn bạc trước một số vấn đề dự kiến sẽ đưa ra Đại hội. Tôi được phân công viết một tài liệu gọi là “*Đề dẫn*”, có tính cách gợi ý cho cuộc thảo luận sắp tới ở hội nghị. Anh Tô Hoài lo công việc hằng ngày ở Hội. Nguyễn Khải lo việc tổ chức hội nghị (danh sách đảng viên, triệu tập v.v...). Anh Nguyễn Đình Thi nói rõ : anh sẽ góp ý kiến mọi việc, nhưng xin để cho anh được dành nhiều thì giờ sáng tác. Giang Nam làm tổng biên tập báo Văn Nghệ. Các anh còn lại trong Đảng đoàn thì hoặc ở cơ quan khác, hoặc ở xa, ít trực tiếp tham gia công việc Hội.

Tư tưởng của chúng tôi, ít ra của chính tôi, là khá rõ ràng, nhưng cách thức làm việc thì thật lộn xộn và vội vã. Chúng tôi hỏi hã, lụp chụp chuẩn bị hội nghị đảng viên.

Sau này nhớ lại, tôi có lần nghĩ : tại sao ngày ấy tôi lại hỏi hã như vậy. Chậm lại, chắc hơn, suy nghĩ, tính toán, viết Đề dẫn kỹ, chậm hơn ít nữa đã sao. Vậy mà tôi đã ngồi viết Đề dẫn hỏi hã, ngày đêm, bỏ ăn, bỏ ngủ, viết đến đâu in ronéo đến đấy, bộ máy văn phòng Hội cứ chạy tít tít lên.

Tại sao ?

Ra tôi vẫn là người sáng tác chứ không phải người lãnh đạo. Người lãnh đạo sẽ từ tốn hơn, cẩn thận hơn, biết kìm mình lại hơn, nhất là khi đang toan tính một việc lớn như thế này. Quả thật tôi có toan tính một việc lớn : bắt đầu cú đột phá cho sự thay đổi văn học mà tôi mừng rỡ từ lâu, nay đang rõ dần trong đầu, trong mong ước. Tôi bị sự thúc đẩy mãnh liệt hết như người nghệ sĩ khi cảm hứng tích lũy từ rất lâu, rất lâu, chợt ào đến, không cầm bút, không chộp ngay lấy bảng màu, không ngồi ngay vào bàn... thì không kịp nữa, chậm mất, hỏng mất !

Tôi viết bản Đề dẫn hết như sáng tác một thiên tùy bút, say mê, bị cuốn hút ngay bởi những ý tưởng vừa hiện hình trên trang giấy, ý tưởng này gợi ý tưởng kia, nối nhau, cuốn nhau, dồn lên nhau ào ào chảy ra.

Tôi nói văn học ta từ sau 75 bỗng đột ngột lâm vào một tình trạng rất kỳ lạ : nó bỗng trở nên nhạt nhẽo. Người đọc, trước đây từng say mê nó thế, từng coi nó là đời sống tinh thần thấm thiết, thông thiết không thể thiếu của mình, nay bỗng đột ngột quay lưng lại với nó, thờ ơ. Họ không thèm đọc ta nữa. Họ đi đọc sách nước ngoài. Họ bỏ ta.

Chính Chế Lan Viên ngày ấy, trong một cuộc họp Đảng đoàn, cũng nói : Sách bây giờ nhiều, nhưng tác phẩm thì không có.

Vi sao ?

Câu hỏi đầu tiên, bức bách, để đặt vấn đề mở đầu bản Đề dẫn là như vậy.

Vi sao ?

Tôi cố gắng cắt nghĩa :

Bây giờ ta có thì giờ hơn, bình tĩnh, yên ổn hơn, hết chiến tranh rồi, kinh nghiệm cũng nhiều hơn, từng người viết, từng quyển sách viết ra rõ ràng khá hơn, văn chương chín chu hơn, chương hồi rành mạch khôn khéo hơn, sách “ hay ” hơn. Nhưng tất cả những cái hơn đó là để nói về một chuyện đã cũ, đã qua, đã xong. Chúng ta vẫn tiếp tục, theo quán tính, trả lời một câu hỏi cũ: sự mất còn của *cộng đồng* dân tộc trước hiểm họa ngoại xâm.

Câu hỏi ấy, nóng cháy trong suốt thời kỳ trước, nay lịch sử đã trả lời xong rồi. Mà văn học thì cứ tiếp tục, theo quán tính, lải nhải trả lời một câu hỏi đã có lời giải rõ ràng của lịch sử.

Trong khi lịch sử đã sang trang. Cuộc sống đã đặt ra những câu hỏi mới, một loạt câu hỏi mới.

Người ta chán mình, bỏ mình là phải. Người ta đã đứng trước hàng vạn câu hỏi cháy lòng, ngổn ngang, phức tạp mới, mà sách của anh, viết hay hơn, dày hơn, in đẹp hơn, cứ lằm lằm vô duyên bắt họ nghe câu trả lời của anh về cái chuyện họ đã vượt qua rồi. Anh lạc hậu, đáng đời nhà anh !

Vậy vấn đề số một của văn học hiện nay, theo tôi, là tìm ra những câu hỏi mới của đời sống. Là nói về nó.

Chính ông Tố Hữu ngày ấy cũng nói : 30 năm nay chúng ta mới giải quyết một vấn đề : sống hay là chết; bây giờ mới bắt đầu giải quyết vấn đề : sống như thế nào ?

Chính sự thay đổi câu hỏi cơ bản đó quyết định bước biến đổi cơ bản hôm nay của văn học.

Vậy câu hỏi mới là gì ?

Tôi quả quyết : vấn đề số phận chung của cộng đồng đã xong. Bây giờ là vấn đề *số phận riêng của từng con người*, trong cộng đồng. Trước kia chưa có câu hỏi đó, chưa thể đặt ra, nó chìm lấp trong câu hỏi lớn chung. Bây giờ nó trôi lên hàng đầu.

Tư tưởng cơ bản của Đề dẫn là như vậy. Nó nêu vấn đề mà nó cho là lớn nhất của văn học bấy giờ ấy ra, và đề nghị hội nghị, rồi Đại hội cùng suy nghĩ, cùng thảo luận.

Tất nhiên, tôi viết hời hả, dông dài, nhiều khi khá rối rắm, không chặt chẽ, nhưng cái ý tưởng ấy là rất rõ ràng. Tôi nói : công việc của văn học bây giờ là tham gia, là đi hàng đầu trong công cuộc giải phóng năng lượng tiềm tàng và vô tận của từng cá thể con người.

Tôi nói : tập thể phải là sự tập hợp tự do và sinh động của từng cá thể tự do, và long lanh sáng tạo. Không thể là tập thể vô danh, vô chủ, tập thể bầy đàn...

Những đêm tôi ngồi viết, Nguyễn Chí Trung thường đi tới. Anh hỏi :

– Đến đâu rồi ?

Tôi buông bút. Hai anh em ngồi trao đổi, bàn luận, tranh cãi. Nguyễn Chí Trung còn thâm Campuchia hơn cả tôi. Nguyễn Chí Trung là người rất lạ : anh là nhà quân sự thực thụ, hết sức thực tế, chi li, tỉ mỉ đến lạnh lùng trong tổ chức một chiến dịch, một trận đánh. Nhưng cũng lại là người nặng suy nghĩ trừu tượng, thích đi đến những kết luận khái quát lớn. Những con người như thế thì thường rất quyết liệt trong tư tưởng và hành động.

Sau này nhiều người phê bình tôi, thường bảo : Nguyễn Chí Trung là đồng tác giả của bản Đề dẫn. Và như thế thì tôi rất vô nguyên tắc : Trung không có chân trong Đảng đoàn, ngay trong Ban chấp hành Hội cũng không. Thật tình bảo Trung là đồng tác giả cũng không hoàn toàn sai đâu. Từ Campuchia trở về, anh còn quyết liệt hơn cả tôi đối với cái chúng tôi gọi là xu hướng chủ nghĩa tập thể bầy đàn. Anh không trực tiếp tham gia bản Đề dẫn, nhưng anh làm rõ rệt, mạnh mẽ hơn những ý tưởng của tôi.

Hai anh em ngồi bàn bạc đến khuya. Rồi Trung đi nằm. Tôi lại ngồi cầm bút viết, đến sáng. Trung cũng không ngủ. Anh đang thao thức một khái quát lớn nào đó nữa để ngày mai anh sẽ nói với tôi, tôi biết.

Nguyễn Khải cũng hay đến. Trong thâm tâm, ở chỗ lắng đọng sâu kín nhất của anh, Khải là một nghệ sĩ thực thụ. Chỉ có điều, trong một số hoàn cảnh căng thẳng, nguy hiểm trực tiếp nào đó, nhiều khi anh không đủ sức dừng để cho những lo toan khác lần át, che lấp cái chất sâu kín ấy đi. Hồi bấy giờ chưa có nguy hiểm trực tiếp. Anh tâm đắc với mọi ý tưởng của tôi, có khi còn giúp tôi mài dũa cho những ý tưởng ấy sắc nhọn hơn...

Bản Đề dẫn được viết rõ rệt nhưng vội vàng ấy, được thông qua trong tập thể Đảng đoàn cũng qua quýt vội vàng.

Nguyễn Đình Thi nói đôi ý kiến phân vân dè dặt.

Tô Hoài ừ ào, không nói gì, và khi làm cái động tác gọi là thông qua, anh đi ra ngoài có việc gì đó, không có mặt.

Giang Nam bảo : mới, mới lắm.

Chế Lan Viên bắt tay tôi :

– Rất được.

Ngay khi thông qua, có đoạn tôi còn chưa viết xong, chỉ trình bày những ý chính, các anh trao đổi, góp ý kiến, tôi về mới ngồi viết tiếp.

Hội nghị được triệu tập cũng rất vội vàng, luộm thuộm, sai sót lung tung. Nhiều đảng viên không nhận được giấy mời. Vài người không phải là đảng viên cũng đến.

Không khí rất vui. Cái kiểu họp nhà văn bao giờ chả thế : anh em đến, gặp nhau là vui rồi. Uống bia, bù khú, tán đủ thứ chuyện.

Tôi đọc bản Đề dẫn. Mọi người đều ủng hộ. Cãi lại, chỉ có Vũ Đức Phúc. Anh ấy là một người “ bảo thủ chân chính ”, nhất quán, đến nay tôi vẫn tin thế.

Anh Nguyễn Văn Bông nói riêng với tôi :

– Không phải ngẫu nhiên mà người ta cử cậu làm bí thư Đảng đoàn. Chưa hoàn chỉnh, nhưng được. Mở ra một cái gì mới.

Anh Xuân Diệu nói :

– Tớ thích nhất chỗ nói “ triết học ” về lịch sử phát triển con người. Có thể chứ.

Nguyễn Hồng cười ha hả.

Hoàng Trung Thông vừa đi uống rượu ở đâu đó về, nói rất dài, lý luận nghiêm trang. Chúng tôi biết anh rồi : càng say càng lý luận nghiêm trang. Anh nói về nhu cầu phải giải phóng cho sáng tạo.

Nguyễn Đình Thi cũng phát biểu dài, nói uyên bác đông tây kim cổ. Và tôi không nhớ rõ dẫn dắt như thế nào, anh lại nói đến những kinh nghiệm đau đớn của văn học Xô Viết : Essénine tự sát, Maiakovski cũng tự sát...

Trong số những người hăng hái hơn cả, có Chế Lan Viên. Anh phản kích thông minh và cay độc những người bảo thủ, đòi cách chức Vũ Đức Phúc.

Anh em trẻ càng vui hơn. Họ tỏ khổ sự kìm chế sáng tạo.

Trước hội nghị vài ngày, tôi đã gửi bản Đề dẫn và giấy mời tới ông Tố Hữu. Ông đến vào ngày thứ hai của hội nghị. Chế Lan Viên ra đón tận cổng.

Ông bước vào, đi ngang đến chỗ Nguyễn Hồng, nắm lấy chòm râu Nguyễn Hồng :

– Râu thật hay râu giả ?

Nguyên Hồng chỉ cười. Nhưng không khí đột ngột không vui. Đám nhà văn vốn nhạy : có một cái gì khác thường rồi...

Cho tôi ngừng lại một chút để nói về Nguyên Hồng.

Vài năm sau, anh mất, rất đột ngột. Hôm trước, chúng tôi đang họp gì đó trên gác 65 Nguyễn Du, bỗng thấy Nguyên Hồng đẩy cửa bước vào. Vẫn như mọi lần, quần áo bà ba nâu lồi thoi bạc thếp, tóc bờm xôm, trông rất bản, chòm râu muối tiêu, mặt đỏ gay. Ý Nhi tả anh trong bài thơ rất đúng : tay ôm cặp bản thảo (có thể của người khác) to đùng. Nói oang oang :

– Họp hả?... Mình mới ở Quảng Ninh đến, chấm giúp cuộc thi cho chúng nó dưới ấy, vui lắm. Thôi chào. Họp thi cứ họp tiếp đi. Chào !

Nói xong quay ra ngay. Tôi tưởng anh sang phòng khác, thế nào cũng còn ở lại Hội chơi một hai bữa như thường lệ, đi uống rượu với ông Nguyễn Tuân, ông Tô Hoài, tối lại về Hội, coi trần nằm ngay trên chiếc bàn dài chỗ văn phòng Hội, mở quạt vù vù, ngủ chẳng màn chiếu gì cả.

Không ngờ, trưa họp xong, tôi xuống văn phòng hỏi, anh em bảo anh đã đi mất rồi. Anh đi khắp các phòng, sang cả nhà xuất bản Tác phẩm mới, cả báo Văn Nghệ, tạt qua mỗi chỗ một chút, chào tất, rồi đi. Sau này nghĩ lại, mới thấy hơi bất thường : sao anh lại đi chào tất cả thế ? Những lần trước có thể đâu. Nhưng lúc ấy chẳng ai để ý. Cũng thường thôi, chẳng có gì lạ.

Sáng hôm sau, chúng tôi đang họp Thường vụ Ban chấp hành, bỗng nhiên được điện. Vấn tất có mấy chữ

*“ Ông Nguyên Hồng mất. Lên ngay.  
Ký tên : Bà Nguyên Hồng ”.*

Tôi vội lấy xe đi ngay lên Nhã Nam. Cùng với Huy Hiền, con gái anh Nguyễn Huy Tường, bấy giờ là cán bộ văn phòng Hội. Tôi vẫn hi vọng anh ốm nặng đột ngột, chị Nguyên Hồng đánh điện thế để chúng tôi lên gấp. Nếu vậy sẽ dùng xe này chở anh về bệnh viện Hà Nội, mong còn kịp.

Lên đến nơi, hóa ra anh đã mất thật.

Anh nằm đó, trên chiếc giường mộc, giữa căn nhà xơ xác, thanh thản, yên tĩnh như một người ngủ say, chòm râu lốm đốm bạc, nước da vẫn còn hồng hào.

Chị Nguyên Hồng kể : sáng nay anh ra ngồi đắp lại cái vách đất nhà bếp bị chuột rúc, đang làm thì kêu mệt, chắc là bị trúng gió. Anh bảo chị trải chiếc chiếu, nằm ngay gốc kê trước sân, định nghỉ một lát rồi lại dậy làm tiếp. Nhưng càng lúc càng thấy khó thở. Chị dìu anh vào nhà, vừa kịp nằm xuống giường thì anh đi luôn. Lúc ấy chỉ có mỗi chị Nguyên Hồng. Người đi đánh điện cho chúng tôi chính là bà cụ hàng xóm sau nhà anh.

Tôi ra bưu điện Nhã Nam đánh điện gấp về Hà Nội, rồi quay lại bàn với gia đình việc tổ chức tang lễ.

Đến chiều tối, anh em các nơi đã kéo lên rất đông. Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn, Nhà xuất bản Văn học, Tác phẩm mới, báo Văn Nghệ, Ủy ban tỉnh, huyện, Hội văn nghệ Hà Bắc... Cả Hải Phòng cũng lên.

Hội Nhà văn là cơ quan chủ quản chủ trì lễ tang. Tôi phải viết ngay bản điều văn. Nhưng ở Nhã Nam lúc nào cũng đông đúc, ồn ào, bận rộn quá, e ngồi viết không yên. Tôi lấy xe, đi thẳng về Bắc Giang, mượn một phòng vắng ở cơ quan Hội văn nghệ tỉnh, ngồi viết suốt đêm. Chẳng có tư liệu gì trong tay, tôi viết theo trí nhớ và lòng yêu mến của tôi đối với anh.

Bấy giờ Hà Bắc đã in tập I tiểu thuyết *Núi rừng Yên Thế* của Nguyên Hồng. Bản thảo tập II đang dở dang. Tôi viết rằng anh không phải người quê gốc Nhã Nam – Yên Thế. Anh vốn người Hải Phòng. Vậy mà hàng chục năm nay, anh bỏ Hà Nội, cũng không về Hải Phòng, mang cả gia đình vợ con lên định cư ở Nhã Nam – Yên Thế là để quyết cắm sâu vào mảnh đất lịch sử Hoàng Hoa Thám này mà viết quyển tiểu thuyết lớn của đời anh. Một nhà văn quyết sống và làm việc như thế, đẹp biết bao !...

Mờ sáng, viết xong, lại học tốc chạy lên Nhã Nam. Vừa kịp đọc điều văn trong lễ tang.

Lễ tang anh Nguyên Hồng là lễ tang nhà quê, có cờ phướn đi trước, có phường bát âm ò ì e, áo quan đặt trên chiếc xe tang thô sơ bốn bánh xe đạp, người kéo người đẩy, cả làng xóm và bạn bè rông rần kéo qua cánh đồng Tân Yên, ra an táng tại nghĩa trang chung của xã...

Một tuần sau, tại Hà Nội cũng tổ chức lễ tưởng niệm. Tôi đọc lại bài điều văn hôm nọ. Không khí thương tiếc buồn ngủi.

Lúc ra về, Tô Hoài kéo tôi cùng đi, bảo :

– Điều văn cậu viết được, nhưng có một điểm sai toét. Cậu bảo thằng cha Nguyên Hồng bỏ về cắm sâu đất Yên Thế là để viết Hoàng Hoa Thám. Nghe cảm động đấy, nhưng đích phải. Nguyên do thế này kia...

Thì ra – chuyện này, chắc chắn Tô Hoài biết rõ hơn tôi nhiều – sau vụ đấu tranh Nhân Văn Giai Phẩm, cả Hội Nhà văn, nhất là báo Văn (tức là Văn Nghệ bây giờ) lại bị kiểm điểm một trận ra trò, từ trên xuống dưới, chẳng thiếu mặt anh nào, gọi là vụ “Hậu Nhân Văn”. Anh nào cũng ít nhiều bị dính.

– Cậu có biết thằng nào nhận khuyết điểm nhanh nhất, thành khẩn, sâu sắc nhất không ? Đó đấy !

Tôi chịu.

Tô Hoài cười :

– Nguyễn Xuân Sanh !

Tôi phục Tô Hoài. Đúng quá! Tất cả các vị khác cọ quây đôi chút, rồi cũng nhận hết, tất nhiên nhiều vị nhận qua quýt cho xong. Nhận rồi, phải đi thực tế, cải tạo tư tưởng. Đến như Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Văn Cao... cũng phải kéo lên làm lại tư tưởng mãi tận nông trường Mộc Châu. Chính nhờ cái đận ấy mà về sau Nguyễn Tuân viết được *Sóng Đà*, Nguyễn Huy Tưởng thì có *Mười năm*...



Riêng mỗi mình Nguyên Hồng, anh dứt khoát tuyên bố :

– Tớ đéch có sai lầm khuyết điểm gì hết ! Không nhận gì hết !

Và anh vút tất cả, quyết từ nay không dính dấp bất cứ nhiệm vụ chức tước gì với cái “ Hội nhà văn của các ông ” nữa. Anh vút sạch mọi thứ ở Hà Nội, cả tem phiếu bao cấp là thứ sinh từ ngày ấy, về Hải Phòng cũng chả thèm, kéo toàn bộ vợ con gia đình đang neho nhóc lên rừng Nhã Nam – Yên Thế mà ở,... cho đến chết.

Ở Nhã Nam, xã Tân Yên, có một ngọn đồi, nguyên xưa là đồi hoang, toàn sim đại, lau sậy, gọi là Đồi Cháy hay Cầu Đen. Hội chống Pháp, một bộ phận Văn nghệ Trung ương được đưa về đóng ở đây. Phát hoang, làm nhà, sinh sống và viết. Có cụ Ngô Tất Tố, họa sĩ Tạ Thúc Bình, Kim Lân, Nguyên Hồng... Chính họ là những vị tiên hiền đầu tiên lập ra cái ấp này, sau dân mới dần dần kéo lên ở ngày càng đông, thành làng, gọi là ấp Cầu Đen hay ấp Đồi Cháy. Cụ Tố mất ở đây, thời bắt đầu cải cách ruộng đất.

Hòa bình, các gia đình văn nghệ sĩ lần lượt trở về Hà Nội.

Nguyên Hồng, sau Nhân văn Giai phẩm tuyên bố “ Tớ đéch sai lầm khuyết điểm gì hết ! ” và anh quyết trở lại cái ấp kháng chiến ngày xưa của anh. Xa xôi, hoang vắng, sống với dân quê, hoàn toàn trở thành một dân quê thực thụ, xa lánh hết mọi cuộc đấu tranh linh tinh, vô nghĩa trong cái gọi là làng văn. Nói anh với thế giới bên ngoài chỉ còn cái xe đạp cộc cạch, cộc cạch đạp từ Nhã Nam về Hà Nội, cộc cạch đạp từ Hải Phòng ra Quảng Ninh. Anh đi giúp anh em trẻ viết, bày vẽ, đọc của anh em mới tập tò vào nghề, chấm bài... và uống rượu với anh em.

Đêm tối ngồi viết điều văn trong văn phòng mượn tạm của Hội văn nghệ Hà Bắc, thấy có một cái xe đạp rất tàng dụng bên tường : chiếc xe nổi tiếng của Nguyên Hồng. Chuyến ấy anh gửi xe đạp tại Hội Hà Bắc, đi xe đò về Nhã Nam. Chắc anh đã cảm thấy trong người có gì hơi khác thường...

Nguyên Hồng là vậy.

Tố Hữu vừa bước vào phòng họp hội nghị đảng viên, liền nắm lấy chùm râu Nguyên Hồng hỏi :

– Râu thật hay giả ?

Hay là ông ta vẫn chưa chịu quên được câu tuyên bố thẳng thắn ngang tàng của Nguyên Hồng mấy chục năm trước ?

Hội nghị đảng viên họp ở 51 Trần Hưng Đạo, vẫn trong cái căn phòng lát gỗ lịch sử ấy. Phòng họp có một cái bục gỗ.

Tố Hữu bước tới bục, đứng một lúc, rồi bắt đầu nói. Câu đầu tiên :

– Cái bục này đối với tôi là hơi cao đấy. Đối với anh Nguyên Ngọc, chắc còn cao hơn.

Vậy là tôi hiểu rồi.

Ông nói khoảng ba giờ liền. Tôi không nhớ hết. Đại ý bản Đề dẫn bị phê phán kịch liệt. Nó chệch hướng. Nó có mùi vị tự do tư sản. Nó cổ vũ cho tư tưởng cá nhân tư sản.

– Nghe nói có người nhắc đến chuyện nhà văn tự sát bên Liên Xô. Ở đây, ai muốn, thử tự sát coi ?...

Ông nói về sự ưu việt của chủ nghĩa tập thể. Ông kể rằng ông vừa đi một chuyến Cao Bằng, đến một thôn xóm nào đó, xa lắm, gặp một anh giữ máy bơm nước hợp tác xã. Anh ấy văn hóa i tờ, kỹ thuật chẳng học hành gì, nhưng bao nhiêu năm nay cái máy vẫn chạy ngon lành. Đó là cái gì ? Vì sao ? Tập thể có thể làm nên những điều kỳ diệu như vậy đây. Con người mới đâu ? Đi đi, rồi sẽ thấy...

... Hội nghị lặng như tờ. Không biết ai đó ngồi phía sau tôi, thì thào :

– Phen này bỏ mẹ thằng Ngọc.

Tôi cũng im lặng. Về sau Nguyễn Khải bảo : lúc đó mình nhìn thẳng bạn, thấy mặt nó cứ lăm lăm. Cái thằng !

... Cuối buổi, tất nhiên tôi phải thay mặt anh em nói mấy lời. Tôi nói cảm ơn anh Tố Hữu về những ý kiến của anh, và chúng tôi sẽ nghiêm túc nghiên cứu.

Chế Lan Viên tiễn Tố Hữu ra cổng.

Nguyễn Trọng Oánh đèo xe đạp tôi về. Oánh bảo :

– Không thể chịu được cái chuyện anh máy nước hợp tác xã của ông Tố Hữu. Kỳ không thể chịu được !

Tối hôm đó, chúng tôi lại ngồi với nhau ở 4 Lý Nam Đế, trong phòng ngày xưa Nguyễn Thi thường nằm bò ra sàn, cái khăn ướt quần chặt trên đầu, hì hục viết.

Có ba anh em : Nguyễn Khải, Giang Nam và tôi. Cũng lạ, chúng tôi vẫn bình tĩnh tính chuyện ngày mai. Chúng tôi vẫn tin rằng ý kiến của chúng tôi đúng, có thể có nhiều sơ hở, nhưng cơ bản là đúng, sơ hở thì điều chỉnh lại, chả sao.

Bất ngờ Chế Lan Viên đến. Hình như anh đi bộ từ 51 Trần Hưng Đạo lên tận đây. Ngồi một lúc, anh bảo :

– Khi chiều, mình đưa anh Tố Hữu ra cổng, anh ấy dặn : Nói thế thôi, chứ phải bảo vệ thằng Ngọc để nó làm việc.

Chúng tôi pha trà, mời anh uống. Uống xong chén nước, anh đứng dậy, nói :

– Thôi bây giờ thế này, để mình dẫn cậu Ngọc lên xin lỗi anh Tố Hữu. Đi với mình.

Nguyễn Khải, Giang Nam không nói gì.

Còn tôi, thực tình lúc đó tôi giận lắm.

– Cảm ơn anh – tôi nói – nhưng... một là, tôi thấy tôi chẳng có gì phải xin lỗi ông Tố Hữu. Hai nữa, tôi cũng là người lớn rồi, anh ạ, cần đi, tôi đi một mình cũng được. Cảm ơn anh.

Chế Lan Viên hằm hằm bỏ ra về.

Chúng tôi còn họp tiếp một ngày nữa. Cuối cùng, là người chủ trì hội nghị, tôi phát biểu kết luận. Tôi nói :

– Hội nghị chúng ta cơ bản nhất trí với bản Đề dẫn của Đảng đoàn...

Ra về, nhiều anh em bắt tay tôi. Người bảo :

– Được lắm !

Người bảo :

– Mà ý thật quá quắt. Chết, con ạ.

Cũng có người quay mặt đi.

\*

Chúng tôi vẫn làm việc, nhưng công việc như cứ rã dần ra. Không khí nặng nề.

Có hôm Nguyễn Khải nói :

- Mình tưởng cậu có ông Chu Huy Mân, ông Võ Chí Công sau lưng cậu chứ. Hóa ra...
- Không, tôi chẳng có ai sau lưng cả. Tự mình chịu trách nhiệm.

Báo Văn Nghệ lại đăng cái bài “ *hiện thực phải đạo*” của Hoàng Ngọc Hiến<sup>61</sup>. Giang Nam, tổng biên tập, có đưa cho tôi xem trước, hỏi ý kiến. Tôi nói :

– Tôi thấy bài anh Hiến có ý hay, nhưng không chặt. Có chỗ anh phiên diện giải thích văn học trực tiếp từ cơ sở kinh tế – xã hội, theo tôi, không ổn. Nhưng đó là ý kiến riêng của tôi. Tôi đề nghị nguyên tắc làm việc thế này : Đảng đoàn không duyệt từng bài báo. Tổng biên tập có thể hỏi ý kiến, tham khảo, nhưng đăng hay không, tự anh phải quyết định.

Nhiều người bảo bài viết của anh Hiến là “ đồng loã, bỏ trí hợp đồng ” với bản Đề dẫn của tôi. Hoàn toàn không phải như vậy. Có lẽ hai chúng tôi gần nhau ở một số ý tưởng nào đó, thế thôi.

Tôi lại vụng về trong quan hệ với Nguyễn Khải. Có lần anh hỏi tôi :

– Hay là mình chuyển sang bên Hội, ra khỏi quân đội luôn.

Tình hình biên chế của cơ quan Hội đang rất gay go. Quỹ lương nặng quá. Người thừa nhiều. Tôi nói :

– Để tính đã, ông ạ. Biên chế còn căng quá.

Khải giận tôi. Ít lâu sau, anh chuyển hẳn vào Sài Gòn.

Trong Đảng đoàn, Chế Lan Viên là người công kích tôi dữ dội hơn cả. Anh ở Sài Gòn, lâu lâu mới ra Hà Nội, đi đây đi đó nắm tình hình, lên chỗ Tố Hữu thăm dò... Rồi đến kỳ họp, tấn công tôi ráo riết. Anh viết cả bài đánh tôi trên báo Văn Nghệ. Giang Nam hỏi tôi :

– Có đảng không ?

Tôi nói :

– Tùy anh. Nhưng theo tôi, cứ đảng. Chẳng sao đâu.

Những ngày ấy, nhiều lúc tôi thấy cô đơn vô cùng. Đi làm về, mệt nhoài, căng thẳng, chẳng biết nói với ai.

Tôi cảm ơn anh Tô Hoài. Anh vẫn làm việc với tôi, chia sẻ bao nhiêu việc linh tinh phức tạp hàng ngày. Anh làm việc chu đáo, tận tụy và nhẹ nhàng. Chỉ thường vắng mặt, ốm đau hay đi đâu đó, những khi có cuộc đấu đá căng.

Cũng có nhiều người khuyên tôi :

– Cậu nên gặp ông Tố Hữu một bữa. Gặp, nói đôi lời, lại đầu vào đây cả thôi. Cậu tự ái lớn quá.

Tôi không đi. Vì thấy chẳng có gì để nói.

Từ ấy, mãi cho đến nay, tôi chỉ đến nhà Tố Hữu một lần. Ấy là lần Phan Tứ ốm nặng.

Phan Tứ ở Đà Nẵng, bị đau quần quai kéo dài ở bụng suốt hàng mấy năm. Bệnh viện C Đà Nẵng chạy chữa đủ cách, không bớt. Lúc nghi tắc ống dẫn mật, lúc nghi gan, lúc bảo có thể có chuyện gì đó ở thận... Rất may bấy giờ có một hội nghị toàn quốc ngành y họp ở Đà Nẵng. Các anh ở bệnh viện C nhờ bác sĩ Đặng Văn Chung xem hộ. Đó là vị bác sĩ chẩn đoán giỏi số một ở nước ta. Nghe bảo ông không cần dùng đến cả tai nghe, chỉ sờ nắn qua ở bụng, nói ngay :

– Chỉ có thể là ở tụy. Ra Hà Nội ngay đi !

Tứ ra bệnh viện Việt Xô Hà Nội. Tôi vào gặp anh Điệng, phó chủ nhiệm khoa ngoại, là người quen cũ. Tôi bảo :

– Tứ là bạn tôi, tôi lại là người có trách nhiệm ở Hội, bệnh tình anh ấy thế nào, anh nói thực với tôi đi.

Điệng hỏi :

- Ông có quen ông nào thật to không ?
- Cũng có thể.
- Vậy nhờ ông ấy nói hộ một tiếng với ông Tôn Thất Tùng bên Việt Đức sang xem cho một chút, có ý kiến, bọn mình làm sẽ chắc tay hơn.

Đêm ấy tôi đến nhà Tố Hữu, kể tình hình Phan Tứ, và nhờ ông nói hộ với bác sĩ Tôn Thất Tùng. Tố Hữu rất nhiệt tình.

– Cậu ngồi đây một lát, mình gọi điện thoại cho anh Tùng ngay.

Ông vào phòng trong, gọi điện, trở ra, bảo :

– Được rồi.

Sáng hôm sau, bác sĩ Tôn Thất Tùng bỏ một phiên họp Quốc hội, vào Việt Xô xem cho Phan Tứ. Về sau chính ông mổ và điều trị cho anh.

Chuyện là vậy.

Tôi gắng gượng hết sức làm mọi việc còn có thể làm ở Hội, những việc mà tôi tâm huyết : giúp củng cố và phát triển Trường Nguyễn Du, lo cho những anh em trẻ có triển vọng, lo tờ Văn học nước ngoài, củng cố báo Văn Nghệ (anh Nguyễn Văn Bồng lại trở về thay Giang Nam), làm trại sáng tác ở Huế, ở Vũng Tàu v.v...

Nhưng cái Đảng đoàn cứ rã dần ra. Nó rã từ bên trong. Đến triệu tập họp cũng không được: Chế Lan Viên, Anh Đức không thềm ra.

Cho đến trước Đại hội Nhà văn lần thứ III, lúc này do Hà Xuân Trường trực tiếp chỉ đạo, thì nó thực tế bị giải thể lặng lẽ ; không hề có một quyết định nào của Ban bí thư là tổ chức đã quyết định lập ra nó.

Đại hội III họp tháng 9 năm 1983. Lần ấy Nguyễn Duy có đến phỏng vấn cụ Nguyễn Tuân. Cụ bảo:

– Mình đã dự mấy cái Đại hội nhưng chưa thấy Đại hội nào *tợn* như cái này.

Trong Đại hội tôi vẫn được bầu vào Ban chấp hành, nhưng không trực tiếp làm công tác gì ở Hội nữa. “ Được giải phóng đi sáng tác. ”

Lại bắt đầu một thời kỳ lêu lổng lang thang rất thú vị. Cái Đề dẫn đã làm khốn đốn tác giả của nó gây xao động một thời, đến nay tôi chẳng giữ được bản lưu nào trong tay<sup>7</sup>. Bản cuối cùng, tôi gửi cho ông Lê Đức Thọ theo yêu cầu của ông, sau không thấy gửi trả lại.

Nguyên là đầu 1981, một hôm tôi đang họp Quốc hội thì được điện của văn phòng ông Lê Đức Thọ gọi: 8 giờ sáng mai đến gặp “anh Sáu” tại 6 Nguyễn Cảnh Chân.

Ông Trường Chinh, Chủ tịch Quốc hội, rất nghiêm. Ông tuyên bố:

– Đối với đại biểu Quốc hội thì trong khi Quốc hội đang họp, không có gì quan trọng hơn là họp Quốc hội.

Có bữa ông Lê Hiến Mai, bấy giờ là bộ trưởng thương binh xã hội, đến chỗ thư ký đoàn Quốc hội, nhờ tôi thưa hộ với Cụ một tiếng, xin nghỉ một buổi họp.

Cụ hỏi:

– Việc gì?

Tôi bịa ra một việc gì đó quan trọng lắm.

– Quan trọng hơn cả Quốc hội à?

Nhưng rồi Cụ cho phép.

Tôi xin phép nghỉ một buổi. Đúng 8 giờ sáng có mặt ở 6 Nguyễn Cảnh Chân. Anh Ngọc, thư ký riêng của Cụ ở đây, bảo :

– Anh Sáu còn ăn sáng. Anh ngồi chờ một lúc.

Tôi ngồi chờ hai mươi phút. Trong hai mươi phút ấy, lần đầu tiên tôi được chứng kiến sự vận hành của cái guồng máy ở cấp tối cao. Tôi ngồi nghe anh Ngọc gọi điện thoại liên tục đến hơn chục nơi khác nhau, các Bộ của Nhà nước, các Ban của Đảng, các cơ quan và thủ trưởng cao nhất, nơi nào cũng nói nguyên một câu : “ Vấn đề các anh thỉnh thị hôm qua, ý kiến anh Sáu như sau...”.

Ra trong một đêm hôm qua, con người tôi sắp được gặp, “ anh Sáu ”, đã giải quyết và cho chỉ thị về hàng chục công việc hết sức khác nhau, toàn những việc trọng đại, liên quan đến vận mệnh quốc gia. Bộ óc ấy làm việc suốt đêm qua, bây giờ mệnh lệnh được ban ra qua cái điện thoại của người thư ký này.

Ngồi đó hai mươi phút, tôi có cảm giác được nghe tận tai, thấy tận mắt cái bánh xe vận mệnh đất nước đang quay, lịch sử đang đi, rõ ràng...

Ông Lê Đức Thọ hỏi tôi :

– Đầu đuôi thế nào, anh kể xem ?

Tôi kể hết đầu đuôi. Nghe xong, ông bảo :

– Tiểu sử của anh, tôi có biết. Anh là người có kinh nghiệm, nhưng chủ yếu là kinh nghiệm chiến tranh, chiến trường. Bây giờ anh về lãnh đạo Hội Nhà văn. Ở đây là một cái bụi gai, anh chưa kinh nghiệm gì, vấp là phải. Hôm nay tôi chỉ có thể nói với anh, tôi xác nhận ba điều : anh là người trung thực, anh có tâm huyết, và là người làm việc. Ba điều đó, có thể khẳng định. Còn chuyện quan điểm, tôi chưa đọc bản Đề dẫn, anh về gửi cho tôi một bản, tôi sẽ có ý kiến sau. Cũng phải còn trao đổi lại với anh Tố Hữu nữa.

Tôi về gặp Trà Giang, nghệ sĩ điện ảnh, bây giờ cũng là đại biểu Quốc hội. Cô lo lắng :

– Thế nào anh ?

Tôi bảo :

– Cơ bản là được. Nhưng còn một cái cơ bản hơn nữa, quan điểm, Cụ chưa có ý kiến.

Trà Giang cười :

– Đáng kiếp, ai bảo đi làm lãnh đạo

Nguyễn Trọng Oánh ngày nào cũng đến tôi. Anh rất ít nói, chỉ hay thở dài. Vậy mà quyết liệt đả đốn. Anh viết thư xin gặp ông Lê Đức Thọ. Khi được gặp, anh nói thẳng với ông :

– Nguyên Ngọc đúng. Tố Hữu sai.

Anh về bảo tôi :

– Minh nói vậy, mà không thấy ông Sáu phản ứng gì cả. Không biết đảng nào mà lần.

Riêng tôi, tôi biết những cuộc gặp gỡ ấy chẳng đi đến đâu. Tự do, kể cả tự do sáng tác, không phải là thứ có thể đi cầu xin. Cuộc sống còn phải vận động, theo những qui luật nhọc nhằn của nó.

Tôi biết công việc ở Hội lúng nhùng, chẳng ra sao, ngày càng rời rã. Nhưng tôi cũng biết, cũng tin Hội nhà văn không đồng nghĩa với nền văn học. Cái Hội chúng tôi có bộ rạc đến đâu, mặc, đời sống văn học vẫn đi theo con đường của nó, có thể càng thêm vất vả hơn, nhưng chẳng gì ngăn được.

Điều ấy đúng với cả từng nhà văn.

Nguyễn Khải bỏ vào Sài Gòn, anh không cùng tôi chèo chống tiếp những ngày sóng gió. Nhưng anh không trát bùn trên “ mặt trận ” chính của anh: sáng tác. *Cha và con*, và... khiến tôi hiểu và vẫn yêu Nguyễn Khải, dầu đôi khi, cô đơn quá, tôi cũng có giận anh ít nhiều.

Nguyễn Minh Châu chẳng nói chẳng rằng. Trong suốt cái cuộc cãi vã vụ Đề dẫn ấy anh hầu như hoàn toàn đứng ngoài. Đôi khi hơi cười mỉa. Nhưng chính trong những ngày ấy, anh vật vã tìm một con đường mới, trước hết cho chính anh, và như sau này ta sẽ thấy, cho cả chúng ta, cho bước chuyển khó nhọc mà quyết liệt của văn học.

Và bao nhiêu anh chị em trẻ, ở khắp nơi. Chưa rõ rệt có một cái gì, song đồng thời lại cũng rõ ràng không thể như trước nữa...

Tôi có một người quen, là một nhà phê bình trẻ rất uy tín ở Liên Xô, Evguéni Sidorov. Anh là giám đốc học viện văn học Gorki. Một nhà phê bình uyên bác, táo bạo và tinh tế, là người đã phát hiện Evtouchenko. Anh sang Hà Nội, hỏi thăm tôi, anh em bảo tôi đã vào Huế. Đến Huế hỏi, anh em bảo tôi vừa đi Sài Gòn. Vào Sài Gòn, anh em lại bảo tôi đi Cần Thơ rồi. Sidorov nhấn xuống Cần Thơ :

– Về ngay, muốn gặp một chút.

Tôi mượn xe của Văn nghệ Hậu Giang, chạy lên. Ôm hôn nhau ba lần, đứng kiêu Nga.

Sidorov ghé tai :

- Nghe nói cậu bị đi đày, phải không ?
- Tâm bậy. Làm gì có. Minh đang đi du lịch.

Tối, chúng tôi ngồi uống cognac với nhau trên tầng cao nhất của khách sạn Độc Lập Sài Gòn.

Tôi hỏi :

- Ông thấy văn học chúng tôi thế nào ?

Sidorov bỗng nghiêm trang, anh đặt cốc rượu xuống bàn :

- Các anh có một nền văn học, thật đấy. Không nói nịnh đâu. Nhưng nó... ở ngoài Hội nhà văn.
- Uống đi – tôi bảo – Đến đấy nhé... Nhưng mà này, hỏi thêm một câu : như vậy là tốt hay là không tốt ?
- Ông cật vấn tôi nhiều quá, chủ nhà thế là hơi bất lịch sự đấy.

Đêm ấy tôi uống hơi nhiều. Ngủ lại với Sidorov ở khách sạn Độc Lập. Gần sáng tỉnh dậy nhìn ra mặt sông Sài Gòn còn mờ sương, sau lớp cửa kính càng hư vô.

Sidorov hỏi :

- Sao dậy sớm thế ?
- Mình đi đây.
- Đi đâu ?
- Cần Thơ.
- Có người yêu dưới ấy à ?
- Cũng có thể.
- Thằng quý, thế thì đi đi. Chào !

Những ngày ấy sao lạ thế. Tôi vừa như một kẻ thất nghiệp, thừa rỗi rãi, lang thang, vừa lại cứ nôn nóng thế nào ấy trong người, không yên. Chờ đợi một cái gì đó sẽ đến, nhất định phải đến chứ. Khó nhọc lắm, nhưng tất yếu, đáng chờ, đáng tin.

Tôi không bao giờ nghĩ bản Đề dẫn luận thạc sĩ đã mở ra một cái gì cho văn học, cho người viết, gợi ý cho một sự bùng nổ mới.

Có lẽ trái lại mới đúng, chính sự trăn trở âm thầm trong hàng trăm người cầm bút ngày ấy đã gợi ý cho nó. May ra thì ưu điểm chủ yếu của nó, nếu có, là nó đã ít nhiều đánh hơi được “ cái gì đó ”. Và lên tiếng báo hiệu.

\*

*(Đến tháng 5 năm 1987, báo Văn Nghệ của Hội Nhà văn thật sự đã chết. Báo đình bản liền ba số, vì ế quá, không còn tiền mua giấy và trả nhà in. Báo là kiểu “ sự nghiệp có thu ”, nghĩa là được nhà nước trả lương, nhưng còn mọi thứ khác phải lấy tiền bán báo mà làm. Đào Vũ, quyền Tổng biên tập, chủ trương giữ một cái marge (một cái lề) an toàn tuyệt đối, anh tuyên bố “ chỉ đá bóng giữa sân, tuyệt đối không ra biên ”. Khi báo hết tiền, anh gửi một cái công văn lên Thường vụ Hội Nhà văn và Ban Văn hóa Văn nghệ Trung ương báo tin là báo phải đóng cửa và bỏ đi Sài Gòn. Văn nghệ đâu sao cũng là tờ báo lớn trong cả nước, đột nhiên đình bản, dễ khiến dư luận trong ngoài nước thắc mắc nên “trên” rất lo, nhiều lần giục Thường vụ Hội Nhà văn tìm gấp Tổng biên tập mới. Thường vụ lúng túng. Một hôm Nguyễn Minh Châu hỏi ấy cũng là ủy viên Ban Chấp hành hội, đến chơi ở 65 Nguyễn Du, nói với Nguyễn Đình Thi và Chính Hữu : “... Hay ta mời anh Ngọc về làm báo. Anh ấy từng làm*



*báo trong cả hai cuộc chiến tranh...”. Gặp anh Trần Độ, Nguyễn Đình Thi và Chính Hữu báo lại ý kiến Nguyễn Minh Châu. Anh Độ bảo vậy các cậu về làm công văn đề nghị chính thức đi. Nhưng rồi hai anh về lại phân vân, chần chừ. Anh Độ cho người xuống giục. Cuối cùng mới có công văn chính thức của Thường vụ Hội. Tôi về làm Tổng biên tập Văn nghệ từ tháng 6-1987. Được đúng 1 năm 6 tháng. Đến cuối năm 1988 thì quan hệ giữa báo và Thường vụ Hội căng thẳng cao độ, bởi Thường vụ cũng chỉ muốn “đá bóng giữa sân”, giữ marge an toàn rộng, còn tôi thì quyết “đưa bóng ra biên”, đối mặt trực tiếp với đời sống phức tạp... Cuối cùng quan hệ đổ vỡ...*

*Tôi muốn dành một chương dài nói riêng về “vụ báo Văn nghệ”. Xin hẹn...)*<sup>8</sup>

\*

Đầu tháng 12-1988, lúc quan hệ giữa báo *Văn Nghệ* và Ban thư ký Hội nhà văn đã rất căng thẳng, những động tác cuối cùng đang được ráo riết tiến hành để cách chức Tổng biên tập báo (được gọi lịch sự là “thuyên chuyển công tác”), trong một cuộc họp giữa Ban biên tập chúng tôi và thường trực Ban thư ký, chị Ngọc Trai bấy giờ là phó tổng biên tập nói :

– Các anh nên chú ý : tờ báo bây giờ đang rất có uy tín, số lượng lên hàng chục vạn, nó có hàng triệu độc giả.

Chính Hữu, phó tổng thư ký trực, trả lời :

– Đừng vin vào số lượng. Một cô gái cởi truồng đứng ở ngã tư đường, cũng khối người xúm lại xem.

Hôm ấy trời rét, tôi đi giày da. Ở chiến trường những phen ác liệt, tôi vẫn được tiếng là người bình tĩnh, trong quan hệ hàng ngày cũng được xem là biết tự kìm chế. Nhưng lần này không nén được mình nữa, tôi đứng dậy, nện gót giày đùng đùng xuống sàn gỗ của phòng bầu dục gác hai nhà 65 Nguyễn Du, chỉ mặt anh ta, mắng lại.

Nguyễn Đình Thi can :

– Anh Chính Hữu có lẽ lời, thôi anh Ngọc đừng giận quá.

Chính Hữu nói mấy lời xin lỗi gì đó.

Tôi ngồi xuống, cố kìm mình lại. Cuộc bàn bạc lại tiếp tục. Bàn cách sắp đặt cuộc ra đi của tôi như thế nào !

Riêng tôi, giận xong, lại buồn. Buồn nhiều hơn giận. Tôi biết Nguyễn Đình Thi cũng nghĩ về tờ báo chẳng khác gì Chính Hữu, nhưng nhẹ nhàng khôn khéo hơn, anh can. Gần mười năm trước, vụ đổ vỡ Đảng đoàn Hội nhà văn, anh cũng từng làm vai trò ấy: người can gián, điều hòa. Còn Chính Hữu thật thà hơn, anh nói thẳng ý nghĩ anh ra.

Chính Hữu với tôi cũng có thể gọi là bạn quen đã rất lâu năm. Hội 1956-57 đến 1962, cùng nhà 4 Lý Nam Đế, Chính Hữu ở phòng Văn nghệ, tôi ở tạp chí Văn nghệ Quân đội. Cái tập thể 4 Lý Nam Đế một thời trẻ trung, ấm áp, sống, làm việc, đùa nghịch vô tư. Chúng tôi từng đồng lõa với nhau làm bao nhiêu vụ yêu đương nghịch ngợm và man dại.

Ở chiến trường khoảng 1967-68 tôi viết thư cho anh Văn Phác bấy giờ cũng đã vào Nam Bộ : “ Hết chiến tranh rồi, còn sống, thế nào cũng cùng trở về 4 Lý Nam Đế, anh nhé ! ” Tôi cũng hay viết thư ra Hà Nội cho Chính Hữu lúc này đã làm trưởng phòng Văn nghệ rồi Cục phó Cục Văn hóa Quân đội, nhắc những kỷ niệm xưa, và nhiều lần giục anh chi viện thêm lực lượng viết trẻ vào cho chúng tôi. Cũng đôi khi bức anh, chỉ yêu cầu có thể mà anh chần chừ quá, mãi 1971 mới gửi cho chúng tôi mỗi Nguyễn Trí Huân.

Sau 1975, trở ra Hà Nội, tôi gặp lại một Chính Hữu đã khác, chậm chạp, bệ vệ và công chức hơn. Đôi lần làm việc đã có vài va chạm nhỏ, tôi muốn nhanh, gọn, dứt khoát, anh do dự, cân nhắc, “ nghiên cứu ” mãi... Nhưng cũng chưa có gì rạn nứt. Cái quán tính của niềm hăng say trong chiến trường còn mạnh. Ngày tôi cưới vợ, cả nhà 4 Lý Nam Đế xúm lại lo cho. Chính Hữu đứng làm chủ hôn. Đám cưới rất buồn cười, mượn hội trường Ban Thống nhất trung ương ở Thụy Khuê, trên tường còn treo nguyên đầy đủ ảnh Mác, Ăngghen, Lênin và cụ Hồ, chỉ cất đi mỗi ông Stalin...

Hình như cho đến vụ Đề dẫn thì mọi sự mới rõ rệt. Trên tạp chí Văn nghệ Quân đội lúc bấy giờ chỉ có hai bài phê phán kịch liệt Đề dẫn, cả hai đều do Chính Hữu viết.

Sau Đại hội Nhà văn lần thứ III, Chính Hữu được điều động từ quân đội ra làm Phó tổng thư ký trực của Hội (cùng ra với Hữu Mai) để chấn chỉnh cái Hội đã bị tôi làm hư hỏng.

Đến chuyện báo Văn nghệ thì Chính Hữu trở thành người cứng rắn nhất trong Ban Thường vụ. Tôi cũng là loại bướng, không khí ngày càng căng. Có lần anh gửi cho tôi bài phát biểu của Bondarev, kèm theo mấy chữ báo cáo nên đăng, anh cho đó là một bài thể hiện quan điểm đúng đắn. Tôi trả lời : nếu là chỉ thị của Ban Thường vụ phải đăng thì xin có công văn, chữ ký và đóng dấu rõ ràng. Mấy chữ viết thư tay, tôi sẽ coi như một lời khuyên, đăng hay không là quyền quyết định và trách nhiệm của tổng biên tập.

Các anh bảo tờ báo là tiếng nói của Ban Thường vụ. Tôi chủ trương : nó chịu trách nhiệm trước Ban thư ký, Ban chấp hành và trước pháp luật, nhưng nó là tiếng nói của cả nền văn học. Nó có tính độc lập tương đối của nó. Và chính tổng biên tập chịu trách nhiệm về cái phần tính độc lập tương đối đó. Báo Văn nghệ không phải là công báo của Hội nhà văn. Nếu không, cần có tổng biên tập làm gì ?

Chính cuộc va chạm đó dẫn đến việc thường trực Ban thư ký gửi một “ tờ trình ” gay gắt lên Ban bí thư Trung ương Đảng tố cáo báo Văn nghệ đã thoát khỏi sự kiểm soát của Ban thư ký Hội nhà văn, đã lọt vào bàn tay điều khiển của Ban văn hóa văn nghệ, của anh Trần Độ. Ban thư ký tuyên bố không chịu trách nhiệm về tờ báo nữa. Dưới cái tờ trình nổi tiếng ấy, có chữ ký của ba người : Nguyễn Đình Thi, Chính Hữu, Nguyễn Khải.

Về việc này, có mấy chuyện buồn cười.

Anh Hoài Vũ là người làm việc rất lâu năm ở báo Văn nghệ, qua đến bốn, năm đời tổng biên tập, bảo :

– Thì xưa nay có bao giờ Ban thư ký “ chỉ đạo ” tờ báo đâu. Chẳng hề nói đến bao giờ. Sao bây giờ lại đòi chỉ đạo ráo riết thế !

Trong hội nghị Ban chấp hành tháng 9-1988, Nguyễn Đình Thi yêu cầu Ban chấp hành biểu quyết Ban chấp hành nhất trí tán thành nội dung Tờ trình đã gửi lên Ban bí thư từ tháng 6-1988.

Anh Nguyễn Văn Bông không chịu. Anh bảo :

– Tôi có đồng ý cái tờ trình ấy đâu mà biểu quyết nhất trí !

Bàn cãi lung tung một lúc, Nguyễn Đình Thi lại nảy ra sáng kiến :

– Vậy đề nghị hội nghị biểu quyết tán thành rằng Ban thư ký có quyền gửi một tờ trình lên Ban bí thư Trung ương.

Ồ, tôi ngạc nhiên. Gửi một tờ trình thì ai mà chẳng có quyền. Tôi cũng giơ tay nè. Quay lại, thấy Nguyễn Khoa Điềm vẫn ngồi im, nhất định không chịu giơ tay. Điềm nói :

– Tôi cũng là uỷ viên Ban thư ký. Nếu là tờ trình của Ban thư ký thì chỉ cần Tổng thư ký hoặc một phó thay mặt Tổng thư ký ký. Đằng này có ba người ký. Vậy là thế nào ? Vậy đây không phải là một tờ trình của Ban thư ký. Đây là một hành động có tính chất bẻ phái của ba người ấy.

Tôi phục lãn Nguyễn Khoa Điềm. Anh là người làm chính trị thật. Giỏi thế. Tôi vẫn chỉ là cái anh nghệ sĩ tùy tiện, lang thang.

Nguyễn Minh Châu, lúc này đã ốm nặng lắm, bảo tôi :

– Có cái tờ trình đó là để đi đến diệt tờ báo đấy. Cậu chuẩn bị tinh thần đi là vừa. Nhưng cứ phải giữ vững cho đến cùng, cho đến phút chót. Số cậu khổ đấy.

Châu nói đến cái số khổ của tôi. Anh không hề nói đến cái số của anh. Những ngày ấy, căn bệnh hiểm nghèo đã phá vỡ gần hết hồng huyết cầu của anh.

Cũng về chuyện cái tờ trình đó, đầu vào khoảng tháng 10-1988, một hôm ngồi với Nguyễn Khải ở 43 Đồng Khởi Sài Gòn, nói chuyện gần suốt buổi, Khải bảo tôi :

– Nhiều suy nghĩ của Ngọc, mình tán thành cả, Ngọc cũng biết rồi. Nhưng việc ông đề cho tờ báo đi theo con đường ấy thì mình rất lo. Mình lo có những người, những lực lượng muốn dùng tờ báo, dùng cả cái Hội của ta, cho những mục đích chính trị riêng của họ. Rất nguy hiểm.

Tôi nói :

– Thôi được, những suy nghĩ, những mối lo của từng người trong chúng ta có thể khác nhau. Nhưng trong quan hệ bạn bè và quan hệ cùng làm việc với nhau, có một cái ranh giới không thể vượt qua được, nếu đã cùng tin nhau, cùng làm việc với nhau vì một ý hướng chung. Ông ký tên dưới cái tờ trình nọ là ông đã vượt qua cái ranh giới ấy rồi đấy. Như vậy là không được.

Khải không nói gì nữa.

Gần hai tháng sau, khi ở Hà Nội người ta đưa tôi đi khỏi báo Văn nghệ, đột ngột Nguyễn Khải từ Sài Gòn gửi ra một bức điện : “ Tôi không đồng ý thay tổng biên tập báo Văn nghệ ”.

Tất nhiên cái bức điện của vị phó Tổng thư ký Hội ấy có làm cho một số người ở Hà Nội khó chịu, nhưng nó chẳng có tác dụng gì. Có lẽ nó chỉ có một chút tác dụng nào đó đối với chính Khải thôi.

Tôi hiểu Khải, người bạn rất lâu năm của tôi, từ ngày “ O, cái thằng này nó biết đọc tiếng Tây chúng mày ơi ! ”<sup>9ii</sup>. Tôi hiểu bi kịch của Khải. Có lẽ trong cái cuộc vừa qua, anh là người buồn và cô đơn nhất. Anh biết tất cả nhưng vừa biết vừa thường làm ngược lại cái biết rất sắc sảo của anh. Anh cô đơn với chung quanh nhưng chắc còn gay go hơn, buồn hơn, cô đơn với chính mình.

Có thời gian Nguyễn Khải hiểu lầm anh Trần Độ, nghĩ rằng anh Độ muốn loại Khải ra trong phương án dự kiến của anh. Nhưng tôi thì tôi biết rõ. Chính vào lúc quan hệ giữa Khải và tôi đang căng, lại thêm sự xúc xiểm của một số kẻ trung gian, anh Trần Độ nói với tôi: “Đừng nghĩ sai về Khải. Hãy đọc những cái Khải viết. Cậu ấy có thể nói, làm thế này thế khác, nhưng trong cái viết, Khải vẫn rất rõ ràng, mạnh mẽ. Đó mới là cái chính...”.

Gần đây, một hôm ở Sài Gòn, Khải hỏi tôi :

– Nghe nói sức khoẻ anh Độ yếu đi nhiều phải không ?

Tôi nghe trong giọng anh một mối lo chân thành, một tình cảm quý trọng thật sự.

Con người như vậy đó. Chẳng đơn giản chút nào.

Chính Hữu chắc chắn khác hẳn Nguyễn Khải. Khải chưa bao giờ, không bao giờ là công chức. Anh vừa sống trong một guồng máy chính quyền, quân đội, nhẫn nhục chịu sự chi phối của guồng máy nặng nề ấy, trông anh lúc nào cũng buồn buồn, có chút gì đó như chán nản, lại vừa sống ngoài rìa bộ máy, thông minh và sắc sảo nhìn cái bộ máy ấy bằng đôi mắt mĩa mai, một sự mĩa mai pha lẫn bất lực. Anh chưa bao giờ là một nhà văn-chiến sĩ. không làm được và cũng không muốn nhận cái chức hiệu hùm hờn ấy; nhưng lại cũng không đủ sức làm một người tự do thật sự. Có lẽ chẳng phải ngẫu nhiên mà một quyền tiểu thuyết gần đây của anh mang cái tên vừa to tát vừa buồn : *Một cõi nhân gian bé tí*.

Nguyễn Minh Châu cũng có một quyển tiểu thuyết chưa kịp viết, định lấy tên là *Cõi người*. Châu muốn đắm mình, như một sinh linh bé nhỏ, trong cái đắm chìm khổ đau kiếp người. Khải cũng nhìn thấy và muốn nói về cái *cõi* ấy, nhưng anh không đủ sức, không dám thả hết mình vào đó như Châu. Anh vừa mĩa mai coi khinh cái guồng máy, vừa vẫn cứ bám vào nó mà sống, đôi lúc còn tham gia sự vận hành của nó nữa.

Khối mâu thuẫn ở Khải dường như cũng là khối mâu thuẫn của không ít trí thức ở ta bây giờ.

Chính Hữu thì không được đến vậy. Anh bị công chức hóa sâu hơn, liên tục hơn, dài hơn và đậm hơn nhiều. Tư thế công chức tận tụy và nghiêm túc giết đi gần hết cái phần nhà thơ từng có thể tài hoa, con người vốn từng lãng mạn trong anh. Anh cưỡng lại ngày một yếu

ót, và cuối cùng tự mình trở thành một bộ phận của cái thế lực bắt con người phải quy phục mà chính anh từng là nạn nhân của nó.

Đấy cũng là một thứ bi kịch, càng đáng buồn hơn.

Ở Chính Hữu tôi thường thấy cùng một lúc hai thái độ sống chừng như đối nghịch: anh không thích nhiều sự, có phần an phận nữa là khác, nhưng lắm khi lại cũng rất dữ dằn, quyết liệt gây sự. Tôi tin rằng trong con người ấy cũng từng có sự giằng xé, nhưng sự giằng xé ngày càng yếu đi, mòn mỏi, đến gần như chẳng còn gì.

Những con người như vậy sẽ xa dần đời sống sinh động thực – không phải chỉ đời sống xã hội hỗn độn bên ngoài. Họ xa dần, mất liên lạc dần và đến mất hẳn, tắt hẳn mọi liên lạc với đời sống phức tạp và hạnh phúc, khát vọng và quần quai bên trong con người.

Lời nói độc địa và hỗn xược của Chính Hữu coi công chúng thời ấy của báo Văn nghệ chỉ là đám người u mê xúm quanh “ cô gái cởi truồng đứng giữa ngã tư đường ” còn tờ báo thì chính là cô gái ô uế nọ, tôi tin rằng anh hoàn toàn nghĩ thật, nói thật. Anh không hề lờ lời đâu. Tôi dận gót giày đùng đùng xuống mặt sàn gỗ căn phòng gác hai 65 Nguyễn Du và hung hăng mắng lại anh, là một hành động nóng giận tức thời của tôi lúc ấy. Nhưng rồi sau đó tôi buồn nhiều hơn giận.

Không, anh không hiểu nổi cuộc chiến đấu của chúng tôi, của tôi. Nói thế này thì nghe kiêu căng quá, nhưng thật vậy : nó ở ngoài tầm với của anh. Biết làm sao ?

Trong hội nghị Ban chấp hành Hội Nhà văn tháng 9-1988 họp nhờ ở hội trường nhà khách Trung ương Đoàn 15 Hồ Xuân Hương, tuyệt đại đa số Ban chấp hành kết tội kịch liệt báo Văn nghệ, thông qua một cái nghị quyết chấn chỉnh tờ báo “ về mặt tổ chức ”, tức là sẽ cách chức người phụ trách báo, anh Nông Quốc Chấn là người lên án báo dữ dội nhất. Đến giờ giải lao, ra hành lang, anh hỏi tôi:

– Tôi nói thế, anh có giận không ?

Tôi cười :

– Chẳng chuyện gì mà giận. Chỉ có điều anh lạc hậu quá, theo tôi anh chậm mất khoảng mười năm đấy.

Về sau tôi kể lại với Nguyễn Khoa Điềm. Điềm bảo :

– Anh nói thế là còn ít quá đấy !

Quả thực cuộc đi tới gian nan và kịch liệt của xã hội, mà văn học như một mũi thăm dò tiên phong, đã chia rẽ chúng tôi quá xa. Có người bảo là bè phái. Tôi không thấy như vậy. Tôi thấy đấy là một sự chia rẽ sâu sắc. Cần gọi cho đúng cái tên của nó.

\*

Trước Đại hội Nhà văn lần thứ III vài tháng, anh Đào Duy Tùng, là ủy viên Bộ Chính trị, đứng đầu phụ trách công tác tư tưởng, có mời tôi đến chơi. Chắc không phải “đến chơi”, bởi đến chơi thì mời về nhà riêng. Anh mời tôi đến chỗ làm việc của Ban bí thư Trung ương Đảng, đường Nguyễn Cảnh Chân. Vậy tức là “làm việc”.

Tôi biết sắp Đại hội Nhà văn rồi, các anh có lo lắng về tôi. Việc tôi đi khỏi báo Văn nghệ vậy mà âm ỉ khá rộng và lâu, đến gần Đại hội lại càng rõ lên, căng hơn. Chắc chắn trong Đại hội – mà lần này là đại hội toàn thể – nhiều người sẽ đặt lại vấn đề tờ báo. Thậm chí có nguy cơ một số không ít anh chị em sẽ li khai khỏi Hội, nếu việc báo Văn nghệ không được giải quyết thỏa đáng. Và việc báo Văn nghệ thì trực tiếp liên quan đến tôi. Tôi bỗng nhiên trở thành một thứ điểm trung tâm chú ý của hai phía. Nhiều anh chị em muốn dựng tôi thành một thứ “ngọn cờ đầu tranh” (!). Cấp trên thì lo không biết thái độ của tôi trong Đại hội sẽ như thế nào?

Anh Đào Duy Tùng mời tôi đến hẳn là vì chuyện này thôi.

Kỳ thực sau vụ báo Văn nghệ tôi muốn đứng ra ngoài cuộc. Có buồn, bực bội ít lâu, nhưng rồi tâm trạng tôi lại thanh thản. Bởi vì tôi tin rằng tôi đã làm xong một công việc cần thiết và đúng lúc, do tình thế giao vào tay tôi một năm rưỡi ấy. Công việc đã làm ở báo có hay có dở, có đúng có sai, vụng về và lầm lẫn cũng có, nhưng tôi cho rằng về cơ bản tờ báo Văn nghệ đã làm tròn vai trò tất yếu của nó trong một bước đi tất yếu của xã hội và của văn học. Bước ấy đã xong, văn học sẽ tự nó đi tiếp bước khác, có thể còn phức tạp, gian nan, mệt mề hơn, nhưng không gì cản lại được nữa. Tôi tin. Hồi ấy, trên một tờ báo, tôi có nói: “Tôi là người lạc quan”.

Phần riêng tôi, tôi chỉ còn một lo lắng và đau khổ, lớn hơn nhiều: tôi vẫn chưa trở lại viết được!

Anh Lê Ngọc Trà từ Sài Gòn viết thư ra cho tôi:

“Ồ trong này anh em vẫn nhắc đến anh và biết tin vui buồn về anh. Anh em thương anh nhiều. Riêng tôi, tôi nghĩ đợt này nếu anh có thì giờ tập trung viết một cái gì đó, chắc sẽ rất hay. Văn học là nỗi đau mà. Người đang đau như anh có nhiều điều để nói hay lắm. Huống chi ở anh vốn sẵn có chất trữ tình rất đậm và sâu của người vùng Trung Bộ. Chất trữ tình ấy không nên thơ bay bổng bằng như chất thơ xứ Bắc, nhưng nó hấp dẫn và cuốn hút lắm...”

Tôi gặp Lê Ngọc Trà lần đầu tiên là ở Maskova, sau khi đã đăng bài *Văn học và chính trị* của anh ít lâu. Lê Ngọc Trà đang bảo vệ luận án tiến sĩ. Đêm Maskova rét không thể tưởng, đâu đến âm 30 hay 35 độ. Chúng tôi đi lang thang trên các hè phố vắng ngắt và băng đóng trơn như mỡ. Chúng tôi nói với nhau về những triển vọng và khát khao của văn học ta. Tôi đề nghị Lê Ngọc Trà sau bài *Văn học và chính trị* rồi, bây giờ chuyển viết tiếp cho chúng tôi vấn đề *Văn học và hiện thực*. Trà bảo:

– Anh suy nghĩ vậy là đúng rồi. Tôi cũng đang nghĩ vấn đề ấy. Phải lần lượt cố gắng giải quyết một số vấn đề cơ bản anh ạ.

Trà hỏi:

– Tình hình ở nhà, sau nghị quyết 05 của Bộ chính trị, như thế nào?

Tôi nói:

– Cái nghị quyết ấy thật hay, nhưng có phần hơi sớm hơn tình hình chung. Cơ sở xã hội cho một nghị quyết như vậy ở ta chưa có đủ. Cho nên tôi chắc sắp tới nó (cái nghị quyết ấy) sẽ rất vấp vạ, thậm chí có thể bị đẩy lùi. Nhưng đầu sao cũng đã cắm được một cái mốc mới. Quan trọng lắm...

Hơn tháng sau, trở về Hà Nội, tôi nhận được bài *Văn học và hiện thực* của Lê Ngọc Trà. Đó là một trong những bài lý luận văn học cơ bản nhất trên mặt báo, suốt thời gian tôi làm Văn nghệ.

... Lê Ngọc Trà bảo là tôi “đang đau”. Tôi rất hiểu anh: anh hoàn toàn không muốn nói là tôi đau vì tôi mất chức, cũng không phải là nỗi đau của một phen trả giá. Cứ cho là nỗi đau đi thì đây là do tôi hiểu đời và hiểu người hơn, hay chính xác hơn, tôi hiểu chính tôi hơn. Cuộc vật lộn vừa qua rất cuộc, lạ thế, lại đưa tôi đến chỗ đối diện với chính mình. Với cả cuộc đời mình.

Tôi hiểu ra rằng đất nước, dân tộc này đang đối diện với chính mình. Văn học đang đối diện với chính mình. Từng người cũng vậy. Tôi cũng vậy.

Đối diện, và cố tự tìm hiểu chính mình, cuộc đời mình, toàn bộ hành trình và hành trang của chính mình. Một sự cố gắng vào loại khó khăn nhất, ráo riết và đau đớn nhất. Đời hỏi dưng cảm lớn nhất.

Tôi lại muốn đi lang thang. Hình như trong khi đi lang thang, dễ suy nghĩ hơn...

Cho nên, thật tình tôi cho rằng sự lo lắng của các anh, của anh Tùng về cái “thái độ” của tôi ở Đại hội nhà văn sắp tới là lạc lõng và nhỏ nhặt quá. Tôi chẳng quan tâm gì lắm đến chuyện ấy. Có quan trọng gì lắm đâu cái Đại hội, cả cái Hội ấy nữa, mà các anh lo đến sốt vó thế!...

Quả nhiên anh Tùng hỏi tôi dự kiến Đại hội sẽ thế nào? Theo tôi nên thế nào?

Tôi nói thẳng với anh:

– Tôi chẳng có ý kiến gì. Bởi vì, theo tôi, Đại hội lẫn cả cái Hội nữa chẳng quyết định gì đối với văn học đâu. Có một cái Hội nhà văn tốt hay không tốt thì về cơ bản cũng chẳng làm sao đối với văn học cả. Các anh quá lo, là làm. Khó nhất đối với nhà văn là việc anh ta ngồi trước trang giấy trắng, đối diện với cái “pháp trường trắng” của anh, như Nguyễn Tuân nói. Đối mặt với nó, chỉ độc có mỗi mình anh. Chẳng ai, chẳng thế lực, chẳng hội hè nào giúp được anh chút gì trong cuộc đối mặt cô đơn và khủng khiếp đó. Bởi đó là cuộc đối mặt của anh với chính anh. Bản chất của công việc sáng tác là vậy. Chỉ mong đừng có ai làm phiền nhiễu thêm họ khi họ ngồi trước trang giấy, trước chính họ, trong cuộc đối chất đau đớn, khắc nghiệt đó. Hội hè tuyệt nhiên chẳng hỗ trợ gì cho họ lúc ấy đâu. Hỗ trợ cho họ lúc ấy, anh ạ – tôi nói – xin anh đừng ngạc nhiên, có khi chẳng hạn lại là sự có mặt của một người đàn bà mà họ yêu say đắm, vô lý và tuyệt vọng... Tôi xin lỗi anh, không biết anh có hiểu không?

Thế đấy, vậy việc gì các anh phải quá lo lắng thế. Tôi e các anh nhầm. Vấn đề là ở chỗ khác kia.

- Ở chỗ nào? – Anh Tùng hỏi.
- Ở chính người sáng tác.
- ...?

– Anh đã mời tôi đến, anh đã hỏi, thôi hôm nay tôi sẽ xin nói. Tôi sẽ nói về một vấn đề có thể anh cho là lạc đề nhưng tôi lại nghĩ là quan trọng hơn nhiều.

Tôi sẽ nói về giới trí thức, giới “ sĩ phu ” ở nước ta, mà cũng chỉ xin nói riêng trong văn nghệ. Tôi muốn đề nghị Đảng nhìn lại tận gốc vấn đề này, bởi đây mới là vấn đề gốc.

Hãy lấy ví dụ như nước Nga, mà ta từng rất gần. Trước Cách mạng tháng 10, nước Nga, dầu là nước Nga phong kiến, đã là một quốc gia độc lập lâu đời. Họ có một giới sĩ phu đàng hoàng, cao lớn, độc lập. Những nhân cách đại thụ, đại biểu cho cả dân tộc, cho cả nền văn minh không chỉ của nước Nga. Những Tolstoi và Dostoievski, những Nekrassov và Tourgueniev, những Ghersen và Dobrolioubov, những Leskov và Garchin. Chính vì có truyền thống lớn đó, mà sau Cách mạng, cả trong những năm đen tối nhất dưới chế độ Stalin, họ vẫn còn những tài năng và nhân cách sừng sững, có thể bị giết chết chứ không thể bị bẻ gục: những Bounin và Pilniak, những Mandelstam và Tvardovski, những Soljenitsyn và Pasternak, những Tsetaieva và Akhmatova, những Boulgakov và Eisenstein... Họ vẫn còn một nền văn học và nghệ thuật lớn...

Giới trí thức văn học nghệ thuật ở ta trước Cách mạng tháng Tám có một chỗ mạnh và rất quan trọng : lòng yêu nước nồng nàn. Và cuộc cách mạng của chúng ta suốt mấy chục năm qua chủ yếu là cuộc cách mạng cứu nước, giải phóng dân tộc. Hãy nhớ lại xem: hầu hết lớp văn nghệ sĩ ta thường gọi là tiền chiến, những người tên tuổi và tài năng nhất đều đi theo cách mạng và kháng chiến. Chúng ta chỉ mất đôi ba người. Chẳng hạn trong hội họa, người tài năng nhất, Nguyễn Gia Trí, không đi với kháng chiến. Nhưng ông cũng không theo giặc. Ông vào Sài Gòn, cặm cụi vẽ, rồi sang Paris, vẫn cặm cụi vẽ. Trong âm nhạc, có lẽ chúng ta mất một tài năng đáng tiếc: Phạm Duy... Nhưng cũng chỉ đôi ba người, đếm được trên đầu ngón tay, vậy thôi. Nguyễn Tuấn, Nguyễn Huy Tường, Xuân Diệu, Tô Hoài, Chế Lan Viên, Nam Cao, Tô Ngọc Vân, Trần Văn Cẩn, Bùi Xuân Phái, Văn Cao... đều đi với Cách mạng, cho đến tận ngày nay. Thật quý, không dễ gì được thế.

Nhưng đồng thời, tôi mạnh dạn nghĩ và hôm nay nói rõ với anh, về cơ bản lớp trí thức văn nghệ tiền chiến ở ta cũng chỉ là lớp trí thức nhỏ bé của một nước thuộc địa nhỏ bé. Một trong những nét tính cách bẩm sinh ở họ là sự uơ hèn. Một lớp sĩ phu uơ hèn. Những Phan Bội Châu, những Phan Châu Trinh đã hết.

Trong giới chúng tôi có một người cầm bút lão thành vẫn được tiếng là người cương trực nhất. Tôi kính trọng ông. Đám tang ông, tôi đã làm rất to trên tờ báo của tôi. Nhưng tôi cũng biết cái cương trực của ông, nói cho cùng, cũng chỉ là cương trực... vật. Người ta đại dốt đi sơn cái Tháp Rùa, ông chửi vung lên. Xây nhà cao tầng nhiều quanh Hồ Gươm, ông cũng lại chửi om lên, bảo là biến cái hồ đẹp thế thành cái giếng mát... Vậy đó thôi. Chứ những chuyện đại sự quốc gia, đã bao giờ thấy ông dám có tiếng nói lớn, độc lập. Boulgakov có thể ngửa tay xin Stalin một chân kéo màn rạp hát để kiếm sống, nhưng nhà văn cổ điển của thời đại văn học xô-viết ấy, trong quan điểm và sáng tác của mình, đến chết không hề chịu lùi một li. Pasternak khi bị cả Hội nhà văn Liên Xô la ó đuổi ra khỏi Hội vì cái giải Nobel trao cho ông, đã viết mấy chữ gửi Hội nhà văn : “ Tôi hiểu hoàn cảnh buộc các bạn phải làm việc này, tôi tha thứ cho tất cả các bạn ”.

Còn ông già tài hoa và cương trực của chúng tôi, ông biết ông vừa bị chế độ nghi ngờ, khinh rẻ, lại vừa được chế độ vì nể, ông bèn “ làm nũng ” với chế độ, thỉnh thoảng lại làm mình làm mẩy đôi chút. Thế thôi. Ít lâu trước khi mất, ông tâm sự buồn rầu và chua chát : “ Mình còn sống được đến ngày nay là vì mình biết... sợ ”.



Trong mỗi vị “ sĩ phu ” ấy của chúng ta đều có một viên công chức nhỏ bé của Tchekhov...

Cái chất viên chức nhỏ bé Tchekhov bẩm sinh đó, từ sau Cách mạng lại bị một loạt cuộc vùi dập thô bạo liên tục : cải cách ruộng đất, chỉnh huấn, cải tạo này rồi đến cải tạo khác, tư tưởng văn nghệ Diên An, các vụ án văn nghệ liên tiếp... càng làm cho nhỏ bé thêm đi, co lại, gập xuống...

Chúng ta không có một lớp trí thức tiền chiến lớn – đó là điều cần nhìn thẳng và suy nghĩ.

Đến thế hệ chúng tôi, dầu muốn dầu không, chúng tôi cũng kế thừa họ. Cả chất uơng hèn lẫn sự khôn ngoan vặt của họ. Chúng tôi vừa coi thường họ vì chúng tôi biết nhân cách của họ cũng chỉ lằng nhằng thế thôi, lại vừa học bài học đau đời của họ: phải biết sợ để mà sống.

Sự kế thừa ấy còn kéo dài đến cả thế hệ sau chúng tôi, trong tình thế bây giờ lại còn pha thêm những tạp chất cơ hội và lưu manh; tất nhiên không phải ở tất cả, nhưng đại thể là như vậy.

Các anh thường hỏi : tại sao chúng ta chưa có tác phẩm lớn ? Tôi xin trả lời: vì chúng ta chưa có những nhân cách lớn.

Đổi mới trong xã hội và trong văn nghệ mấy năm qua đã đem lại những gì ? Có tác phẩm khá hơn, có đời sống văn học nghệ thuật phong phú sinh động hơn. Nhưng nói thật cũng chưa có gì ghê gớm đặc sắc lắm đâu. Và cũng không phải là cái quan trọng nhất.

Thành quả quan trọng nhất vừa qua, theo tôi, là sự bắt đầu nhận ra, bắt đầu ý thức và khôi phục cái vị thế, cái tư cách đảng hoàng, độc lập, tự do, trách nhiệm của người cầm bút, ở trong chính người cầm bút, trước đất nước, nhân dân và Đảng của mình.

Đó là sự giải phóng bên trong của người nghệ sĩ, tự do bên trong thật sự của người cầm bút. Theo tôi, cái ấy đã bắt đầu, đã bắt đầu có. Và sự thức tỉnh đó là quyết định, tức là không thể đảo ngược được, dầu còn rất nhiều đau đớn và trả giá.

Nếu phải nói một điều gì đó về Đại hội nhà văn sắp tới thì tôi xin nói: tôi tin Đại hội sẽ diễn ra theo hướng đó. Và như vậy là đáng mừng, cho Đảng, cho đất nước, cho văn học.

Nhưng hình như các anh lại lo lắng về chính cái điều tôi cho là đáng mừng đó, các anh vội tìm cách ngăn lại.

Có lẽ cũng ít chế độ nào nâng niu chăm sóc bao cấp cho văn nghệ sĩ bằng chế độ ta. Nhưng đó là kiểu nuôi nấng o bế một đám con hát, một đám cung văn. Chúng tôi không cần cái ấy, chúng tôi chiến đấu cho một tư thế độc lập, tự do đảng hoàng và đầy trách nhiệm của nhà văn trước đất nước...

Anh Tùng lắng nghe, không cắt lời tôi. Cuối cùng anh bảo :

– Vấn đề anh nêu ra là đáng suy nghĩ, có chỗ tôi đồng ý, cũng có chỗ chưa đồng ý. Lần khác ta sẽ trao đổi tiếp.

Trước khi ra về, tôi nói :

– Tôi không còn làm báo Văn nghệ nữa. Nếu còn làm thì dự định của tôi là sau mảng đề tài nông thôn, tôi sẽ triển khai tiếp vấn đề quan trọng hơn là vấn đề trí thức...

Không thấy anh nói gì.

Cũng không thấy anh mời tôi đến chơi nữa.

\*

Những điều tôi nói với anh Đào Duy Tùng hôm đó thật sự là những điều tâm huyết của tôi suốt thời gian tôi “nắm” tờ báo Văn nghệ. Khi không ở báo nữa, đó vẫn là tâm huyết của tôi trong mọi việc tôi còn có thể làm chút gì đó cho văn học. Và cũng là, trước hết, tự làm cho chính tôi. Tự giải phóng mình.

Trong mỗi chúng ta, đều có một kẻ nô lệ. Là thay cái chế độ của chúng ta, cái chế độ khát khao hơn bất cứ thời đại nào trước giải phóng cho đất nước, cho con người... cuối cùng lại đi đến vùi dập, bóp nghẹt con người. Lại làm đậm thêm cái chất nô lệ trong con người.

Tôi biết, tôi tin rằng những người cầm bút, đặc biệt những cây bút trẻ, đã ý thức ngày càng rõ điều ấy, và quyết phá vỡ ra. Mỗi người một cách, ở những mức độ khác nhau.

Nguyễn Khải rụt rè nói về “cái thời lãng mạn ấy”. Tính anh vốn thế, chẳng quyết liệt bao giờ. Nhưng tôi nhận ra, đằng sau cái rụt rè còn mong manh ấy một cái cười chua chát tự chế riêu mình. Được chừng ấy cũng đã là quý lắm rồi.

Nguyễn Minh Châu làm li nhưng liều lĩnh, tuyên bố *Ai điếu cho một thời văn nghệ minh họa*. Bài đưa ra tòa soạn, nhiều anh em rất ngại, nhưng tôi cứ quyết định đăng. Bởi tôi biết Nguyễn Minh Châu có một trận quyết rút mình ra để đi tới, chuyển sang một trận khác. Tôi cảm phục anh và biết tiếng nói của anh sẽ giúp thêm nghị lực cho bao nhiêu người còn chần chừ.

Dương Thu Hương vừa dầm thắm – ít ai viết được về người mẹ quê Việt chúng ta đậm sâu như chị trong *Những thiên đường mù* – lại vừa đáo đẽ, đến cả hồn xược – cũng trong chính *Những thiên đường mù*.

Phạm Thị Hoài táo tợn muốn tháo bỏ tất cả mọi ràng buộc, cho đến cả những khu vực có tính bản năng của con người. Cây bút nữ ấy chẳng chút xấu hổ muốn lột trần trụi con người ra trước chính nó. Tôi biết nhiều lúc chị hơi quá thông minh và điệu đà. Nhưng tôi ủng hộ chị. Cũng là một cửa mở cho sự giải phóng.

Nguyễn Huy Thiệp thì đã hoàn toàn khác. Mọi giá trị từng được thờ cúng với anh đều trở thành trần tục hết. Anh không ngại đến cả thô lỗ và tục tĩu khi lạnh lùng phanh phui sự thật. Con dao mổ ấy quá sắc, quá lạnh, nhiều khi đến chói. Nhưng để *bắt đầu lại*, làm lại một thế giới người cho ra người khác, tránh sao được những cuộc phá vỡ có khi tàn bạo?

Tôi đăng Thiệp không phân vân.

Những sáng tác trên báo Văn nghệ thời ấy không phải cái nào cũng là văn chương,—tôi biết. Nhiều người trách: tờ báo hạ thấp văn chương. Nguyễn Đình Thi làm tạp chí *Tác phẩm mới* chủ trương văn chương phải sang trọng.

Tôi thì lúc này tôi nghĩ khác: cuộc cày xới thì ngôn ngang. Tôi chấp nhận cái ngôn ngang ấy. Nó xới lên hơi đất hôi hổi của cuộc sống thực.

Rồi đến một lúc mới có thể *Bước qua lời nguyên và Nỗi buồn chiến tranh*.

Không ai sang trọng được khi đang cây vỡ ruộng.

Lại cũng có người trách: tôi tâng bốc quá đáng lớp trẻ, làm mất lòng bao nhiêu người già.

Có lẽ quả có thể thật. Tâng bốc thì không đúng. Nhưng đặt nhiều lòng tin vào họ thì có. Tôi biết cuộc phá vỡ này quá quyết liệt, để lớp người đã nặng nợ nhiều với quá khứ khó có thể đủ sức làm nổi.

Về sau tờ báo bị kết tội gây bè phái chia rẽ làm rối tung nội bộ Hội nhà văn. Tôi thì tôi muốn nói chính xác hơn: nó làm *phân hóa* rõ rệt lực lượng trong cuộc đi tới quần quai dữ dội này của văn học. Cái tội đó, nó xin chịu.

\*

Tháng 12-1988, sự nứt vỡ đã không còn cứu vãn được nữa. Những thế lực chống lại sự đi tới đã cắm tức đến cực độ. Sự phân hóa đã quá lớn.

Còn tôi thì quá nhiều sơ hở vụng về để cho trận địa của mình bị tiến đánh từ mọi phía. Một trong những vụng về nguy hiểm là tôi đã để cho tờ báo nhô lên quá nhọn. Trong đội hình đi tới chung của báo chí, và có thể của cả xã hội lúc này đang có phần bị đẩy chững lại. Trong chiến đấu, cái khối lồi lù lù như thế tất sẽ bị gạt đi cho kỳ được.

Tôi ra đi là phải.

Biện pháp đã được dùng để đẩy tôi đi có thể là vụng về, thô bạo. Nhưng chẳng quan trọng gì cái chuyện ấy. Có thể khéo hơn, lịch sự nhẹ nhàng hơn một chút. Nhưng rồi tất cũng thế thôi.

Nhiều anh chị em ám ức bảo tôi cố kéo dài thêm. Trưa ngày hôm ấy, 2-12-1988, tôi nói:

– Thôi, đủ rồi !

Trước cuộc họp toàn thể tòa soạn, Chính Hữu đọc quyết định “thuyên chuyển công tác” tôi. Tôi bảo :

– Tôi chẳng chuyển đi đâu cả. Tôi chỉ thôi công việc ở đây.

Và hỏi :

– Tôi phải bàn giao công việc từ lúc nào ?

Chính Hữu trả lời :

– Ngay bây giờ. Không phải bàn giao.

Tôi có căng thẳng trong tâm trạng không ? Có.

Nhưng không phải vì công việc tờ báo đã qua. Việc ấy đã xong. Và đẹp. Tôi thanh thản.

Căng thẳng là việc sắp đến của tôi, còn quyết liệt khó khăn vất vả đau đớn hơn nhiều: *Viết*.

NGUYỄN NGỌC

---

<sup>1</sup> Trụ sở tạp chí Văn nghệ quân đội ở Hà Nội.

<sup>2</sup> Tôi viết *Đất Quảng* ngay trên chiến trường Quảng Đà (bắc Quảng Nam). Xong tập I, đến tập II, Già là nguyên mẫu nhân vật chính (Thiệt) của tôi đi đầu hàng, tôi hoang mang, không sao viết được nữa.

<sup>3</sup> *Đường chúng ta đi* là bài tùy bút từng nổi tiếng của tôi kêu gọi đánh Mỹ khi Mỹ đổ 20 vạn quân vào Miền Nam năm 1965. Giọng văn đầy hào sảng ...

<sup>4</sup> « *Le signe de son importance, c'est que l'écrivain n'a rien à dire.* » (L'espace littéraire).

<sup>5</sup> Angka : tức “ Tổ chức ”, dưới thời Pôn Pốt

<sup>6</sup> *Về một đặc điểm của văn học và nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua* (*Văn nghệ*, số 23, ngày 09/6/1979).

<sup>7</sup> Cho đến nay, bản này chưa hề được công bố trên báo chí Nhà nước (tạp chí *Lang Biang* của Hội nhà văn Lâm Đồng đăng được nửa đầu thì bị ngừng). Nhà văn Lại Nguyên Ân đã tìm được một bản in rô-nê-ô, tác giả đã sửa những lỗi in, và toàn văn bản Đề dẫn này đã được công bố trên mạng *Talawas* : **Đề cương đề dẫn thảo luận ở Hội nghị Đảng viên bàn về sáng tác văn học 1979**

< <http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=3144&rb=0102>>

(chú thích của Diễn Đàn)

<sup>8</sup> Khi đọc lại bản đánh máy của Diễn Đàn (tháng 6.2019) để sửa những lỗi ty-pô, nhà văn Nguyễn Ngọc chỉ viết thêm đoạn này để bạn đọc dễ « chuyển tiếp » từ phần trên với phần dưới (*chú thích của Ban biên tập*).

<sup>9</sup> Cuối năm 1955, tôi đang ở sư đoàn 324 tập kết ra Bắc, đóng ở Nghệ An, bỗng được lệnh Tổng cục chính trị gọi về Hà Nội để tham gia trại sáng tác về các anh hùng quân đội. Gặp các bạn Nguyễn Khải, Hồ Phương, Phùng Quán, Mạc Phi, Hà Mậu Nhai, Xuân Vũ, Lý Đăng Cao... cũng vừa từ các sư đoàn được gọi về. Ở Tổng cục bấy giờ có cái thư viện nhiều sách tiếng Pháp. Từ chiến trường xa mới về, bao năm thèm sách, tôi lao vào đọc say mê. Nguyễn Khải đi ngang qua nhìn thấy, reo lên : “ Ô, cái thằng này đọc tiếng Tây chúng mày ơi !...”. Chúng tôi đánh bạn cùng nhau từ đó.